

*Như dưới cũng như trên.  
 Các tam-muội vô lượng,  
 Chiếu khắp cả các phương;  
 Đó lối đi giác ngộ,  
 Tập tươi mát bậc nhất<sup>65</sup>.  
 Lìa bỏ vô minh tránh,  
 Tâm ấy khéo giải thoát.  
 Ta Đấng Thế Gian Giác,  
 Minh hạnh đều đầy đủ.  
 Trụ chánh niệm không quên,  
 Tâm này được giải thoát.  
 Khi thân hoại mạng chung,  
 Như đèn hết dầu tắt.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 817. HỌC (2)<sup>66</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng có ba học nữa. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi, hành xử, thấy tội nhỏ nhặt sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện... cho đến, chứng và an trú đệ Tứ thiền.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ

<sup>65.</sup> Thị thuyết vi giác tích đệ nhất thanh lương tập 是 說 為 覺 跡 第 一 清 涼 集 .  
 Pāli: tamāhu sekkhāṇī paṭipadāṇī, atho saṃsuddhacāriyam, đây gọi là lối đi hữu học, hành thanh tịnh. Bản Hán đọc samudācāra, sự tập khởi, hay tập hành.

<sup>66.</sup> Pāli, S. 3.88. Sikkhā.

Thánh đế này, biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế, đó gọi là tăng thượng Tuệ học.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ như đã nói ở trên.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 818. HỌC (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Tỳ-kheo học tăng thượng Giới, không phải học tăng thượng Ý, tăng thượng Tuệ. Có vị học tăng thượng Giới, tăng thượng Ý, không phải học tăng thượng Tuệ.

“Thánh đệ tử an trú tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trú, thì sự tu tập tăng thượng Giới, tăng thượng Ý cũng sẽ đầy đủ. Cũng vậy, Thánh đệ tử an trú tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trú, thì sẽ sống theo tuổi thọ của trí tuệ vô thượng.”<sup>67</sup>

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 819. HỌC (4)<sup>68</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hơn hai trăm năm mươi giới<sup>69</sup>, cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự mình cầu học mà học, nói ba học có thể

<sup>67.</sup> Hán: vô thượng tuệ thọ nhi hoạt 無上慧壽而活.

<sup>68.</sup> Pāli, S. 3.87. Sādhika (Sikkhā.1).

<sup>69.</sup> Hán: quá nhị bách ngũ thập giới 過二百五十戒. Bản Pāli: diyadḍha-sikkhāpadasatam, một trăm năm mươi điều học giới.

tổng nghiệp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 820. HỌC (5)<sup>70</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Nói như trên, nhưng có một vài sai biệt.*

"Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới<sup>71</sup>, giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh; Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại<sup>72</sup>, giới thường tùy thuận mà sanh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

"Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân khuế. Năm hạ phần kết này đã đoạn trừ, đắc Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

<sup>70</sup>. Pāli, A. 3.86. Sekkha.

<sup>71</sup>. Pāli: silesu paripūrakārī hoti samādhismiṃ mattaso kārt paññāya mattaso kārī, nơi giới hành trì toàn phần, nơi định, tuệ hành trì một phần nhỏ.

<sup>72</sup>. Hán: giới sư thường trú 戒 師 常 住. Pāli: ṭhitasiṭṭo, giới trụ vững.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng Tuệ học.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 821. HỌC (6)<sup>73</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hơn hai trăm năm mươi giới<sup>74</sup>, cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu thiện nam tử tự theo ý muốn của mình mà học, Ta nói cho ba học. Nếu học ba học này, thì sẽ tóm thâu được tất cả các học giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới<sup>75</sup>, giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế,... cho đến nêu giữ gìn học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn ba kết là thân kiến, giới thủ, nghi; và tham, nhuế, si đã mỏng, thành tựu Nhất chủng đạo<sup>76</sup>. Ở vào địa vị này chưa phải là đẳng giác, nên gọi là Tư-đà-hoàn, hay gọi là Gia-gia, gọi là Thất hữu, gọi là Tùy pháp hành, gọi là Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới

<sup>73</sup>. Pāli, A. 3.85. Sikkhā.

<sup>74</sup>. Xem cht.69 kinh 819 trên.

<sup>75</sup>. Xem cht.71 kinh 820 trên.

<sup>76</sup>. Nhất chủng đạo — 種 道 , quả vị thuộc Tư-đà-hàm. Pāli: ekabija.

tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn được năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; nếu đoạn trừ được năm hạ phần này có thể được Trung Bát-niết-bàn. Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Sanh Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Vô hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng Tuệ học.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*\*

### KINH 822. NIẾT-BÀN (1)<sup>77</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nghiệp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nghiệp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập Ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

---

<sup>77</sup>. Xem kinh 821.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới thì đầy đủ<sup>78</sup>, nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nêu gìn giữ giới học. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ được ba kết đó là thân kiến, giới thủ và nghi; khi đã đoạn trừ ba kết này, thì sẽ được Tu-dà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Là Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối... cho đến nêu gìn giữ học giới. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này rồi, được A-na-hàm, Sanh Bát-niết-bàn, không còn tái sanh vào đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Là Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, giải thoát tâm vô minh hữu lậu, giải thoát tri kiến, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng Tuệ học.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 823. NIẾT-BÀN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo an trú giới đầy đủ, khéo nghiệp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trú giới đầy đủ, khéo nghiệp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi,

---

<sup>78.</sup> Xem cht.71 kinh 820.

bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập Ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới đã đầy đủ<sup>79</sup>, nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nén gìn giữ giới học. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy thì sẽ đoạn được ba kết và tham, nhuế, si còn mỏng, được Nhất chủng đạo<sup>80</sup>. Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tư-dà-hàm; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì được gọi là Gia-gia<sup>81</sup>; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì, sẽ được Tu-dà-hoàn; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tùy pháp hành; ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Là Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối... cho đến nén gìn giữ học giới. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này rồi, thì sẽ được Trung Bát-niết-bàn. Ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Sanh Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được Đẳng giác, thì sẽ được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Là Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ giải thoát tâm dục hữu lậu, giải thoát tâm hữu hữu lậu, giải thoát tâm vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không

<sup>79.</sup> Xem cht.71 kinh 820.

<sup>80.</sup> Nhất chủng đạo (Pāli: ekabijīka), Câu-xá 24 gọi là nhất gián — 間 , vị Thánh giả còn một lần tái sanh Dục giới nữa sẽ chứng quả A-na-hàm.

<sup>81.</sup> Gia-gia (Pāli: kulaṃ kula), chỉ vị Tu-dà-hoàn còn một hay ba lần tái sanh nữa thì đạt Nhất lai hướng. Xem Câu-xá 24.

còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là tăng thượng Tuệ học."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 824. HỌC (6)<sup>82</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai học. Những gì là hai? Đó là thượng oai nghi học và thượng Ba-la-đề-mộc-xoa học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Người học<sup>83</sup>, lúc học giới,  
 Thẳng đường, đi theo đó;  
 Chuyên xét, siêng phương tiện,  
 Khéo tự giữ thân mình.  
 Được sơ vô lậu trí<sup>84</sup>,  
 Kế, cứu cánh vô tri<sup>85</sup>;  
 Được vô tri giải thoát,  
 Đã vượt qua tri kiến.  
 Thành bất động giải thoát,  
 Các hữu kết diệt hết;  
 Các căn kia đầy đủ,  
 Các căn vui vắng lặng.  
 Giữ thân sau cùng này,  
 Hàng phục các ma oán.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>82</sup>. Pāli, A.3.84. Sekha.

<sup>83</sup>. Hán: học giả 學者, tức học nhân, chỉ Thánh giả hữu học. Paki: sekha.

<sup>84</sup>. Pāli: khayasmīm paṭhamam īñānam, trong sự đoạn tận, trí thứ nhất (khởi lên).

<sup>85</sup>. Hán: thứ cứu cánh vô tri 次究竟無知. Pāli: taṭo aññā anantarā, kế đó, không gián đoạn, chánh trí (khởi lên). Bản Hán đọc aññāṇa, vô tri hay vô trí, thay vì là aññā: chánh trí (của A-la-hán).

### KINH 825. HỌC (7)<sup>86</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Học giới sẽ mang lại nhiều phước lợi, an trú trí tuệ là bậc trên; giải thoát kiên cố, niêm là tăng thượng. Nếu Tỳ-kheo nào đã học giới được phước lợi; an trú trí tuệ là bậc trên; giải thoát kiên cố, niêm là tăng thượng, thì sẽ khiến cho ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Phước lợi theo học giới,  
Thiền định chuyên tư duy;  
Trí tuệ là tối thượng,  
Đời này là tối hậu.  
Thân Mâu-ni cuối cùng,  
Hàng ma qua bờ kia.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 826. HỌC (8)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nghiệp thủ Tăng, tích cực nghiệp thủ Tăng, khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tam quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nghiệp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy,

<sup>86</sup>. Cf. It. 46. Sikkhā.

hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi<sup>87</sup>.

“Thế nào trí tuệ là hơn hết? Đại Sư vì Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, hoặc vì an ủi, hoặc vì an lạc, hoặc vì an ủi, an lạc. Như vậy, Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, đối với pháp nào, chỗ nào cũng dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ là hơn hết.

“Thế nào là giải thoát kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.

“Thế nào là Tỳ-kheo niêm tăng thượng? Người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm cột niêm an trụ; điều chưa được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia bằng trí tuệ cột niêm an trụ. Điều đã được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia trùng khởi khởi niêm an trụ. Pháp chưa được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niêm an trụ. Pháp đã được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niêm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niêm tăng lên. Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Phước lợi theo học giới,  
Thiền định chuyên tư duy;  
Trí tuệ là tối thượng,  
Đời này là tối hậu.  
Thân Mâu-ni cuối cùng,  
Hàng ma qua bờ kia.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Kinh Thi-bà-ca như Phật sē nói ở sau. Cũng vậy, Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo khác hỏi, Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo. Ba kinh này cũng nói như trên.*

\*\*  
\*

<sup>87</sup>. Luật các bộ: thập cú nghĩa 十句義, mười mục đích Phật chế giới. Cf. Pāli: dasa atthavase paṭicca.

### KINH 827. CANH MA<sup>88</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như điền phu, có ba việc để làm ruộng, phải khéo tùy theo thời mà làm. Những gì là ba? Điền phu kia phải theo thời mà cày bừa, phải theo thời mà dẫn nước vào, phải theo thời mà gieo hạt. Khi điền phu kia đã theo thời cày bừa, đã dẫn nước, đã gieo hạt xuống rồi, thì không nghĩ rằng: ‘Muốn ngay ngày hôm nay chúng sanh trưởng, có quả ngay hôm nay, chín ngay hôm nay, hoặc là ngày mai hay ngày sau.’ Nhưng này các Tỳ-kheo, gia chủ kia sau khi đã cày bừa, dẫn nước, gieo hạt xuống rồi, tuy không nghĩ rằng: ‘Đang sanh trưởng, có quả và chín ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.’ Mà những hạt giống kia khi đã được gieo vào trong đất, thì tự chúng theo thời mà sanh trưởng, mà có quả, mà chín.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với ba học này, phải khéo tùy thời mà học, nghĩa là phải khéo học Giới, khéo học Ý, khéo học Tuệ; khi đã học chúng rồi không nghĩ rằng: ‘Mong ta ngày nay không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, hoặc ngày mai hay ngày sau.’ Cũng không nghĩ rằng: ‘Mong có thần lực tự nhiên mà có thể khiến cho không khởi lên các lậu, tâm giải thoát ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.’ Khi đã tùy thời học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ rồi, thì tùy thời mà tự mình đạt không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.

“Này Tỳ-kheo, thí như gà mái ấp trứng, có thể từ mười cho đến mười hai ngày; phải tùy thời thăm chừng, chăm sóc giữ gìn ấm lạnh. Con gà mái ấp kia không nghĩ rằng: ‘Ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau, ta sẽ dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng cào, để cho con của thoát ra khỏi vỏ một cách an toàn.’ Nhưng gà mái ấp kia khéo ấp con nó, tùy thời chăm sóc thương yêu, con của nó sẽ tự nhiên thoát ra khỏi vỏ an toàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo học Ba học, tùy theo thời tiết sẽ tự đạt được không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

---

<sup>88.</sup> Pāli, S. 3.82. Sukhetta.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 828. LÔ<sup>89</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như con lừa đi theo đàn bò, tự nghĩ rằng: ‘Ta phát ra tiếng bò.’ Nhưng hình dáng của nó không giống bò, màu sắc cũng không giống, âm thanh phát ra không giống, mà theo đàn bò, rồi tự cho mình là bò, phát ra tiếng bò kêu, mà thật ra khác bò xa!

“Cũng vậy, có một nam tử ngu si vì phạm giới luật, mà còn đi theo đại chúng nói rằng: ‘Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!’ mà không học tập thั̄ng dục về tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học. Còn theo đại chúng tự cho rằng: ‘Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!’ Nhưng kỳ thật khác xa Tỳ-kheo.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Thú cùng móng, không sừng,  
Đủ bốn chân, tiếng kêu;  
Đi theo sau đàn bò,  
Luôn cho là bạn bè.  
Hình dạng chẳng phải bò,  
Không thể kêu tiếng bò;  
Cũng vậy, người ngu si,  
Chẳng theo cột tâm niệm.  
Đối lời dạy Thiện Thệ,  
Không muốn siêng phuơng tiện;  
Tâm biếng nhác, khinh mạn,  
Không được đạo Vô thương.  
Như lừa trong đàn bò,  
Mà luôn xa đàn bò.*

---

<sup>89</sup>. Con lừa. Pāli. A. 3.81. Samaṇa.

*Kia tuy theo đại chúng,  
Nhưng luôn trái tâm hành.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 829. BẠT-KỲ TỬ<sup>90</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ Tôn giả Bạt-kỳ Tử hầu bên Phật. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ Tử đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lẽ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, Ngài đã nói hơn hai trăm năm mươi giới khiến cho con nhà tộc tánh, cứ mỗi nửa tháng đến thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa tu-đa-la, khiến con nhà tộc tánh tùy ý muốn mà học. Nhưng nay, bạch Thế Tôn, con không thể theo đó để học.”

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

“Ông có thể tùy thời mà học ba học được không?”

Bạt-kỳ Tử bạch Phật rằng:

“Có thể, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

“Ông sẽ tùy thời mà học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ; khi đã theo thời siêng năng học tăng thượng Giới, học tăng thượng Ý, học tăng thượng Tuệ rồi, thì không bao lâu các hữu lậu sẽ được hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết: tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Sau khi Bạt-kỳ Tử đã nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lẽ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ Tử sau khi nhận lãnh những lời dạy dỗ, giáo giới của Phật xong; một mình ở nơi vắng, chuyên tinh tư duy, như đã nói ở trên... cho đến tâm khéo giải thoát, đắc A-la-hán.

□

---

<sup>90</sup>. Pāli, A. 3.83. Vajjiputta.

## TẠP A HÀM QUYỂN 30

KINH 830. BĂNG-GIÀ-XÀ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng Băng-già-kỳ tại Băng-già-xà<sup>2</sup>. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương thích với giới<sup>3</sup>, khen ngợi pháp chế giới. Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp Thị<sup>4</sup> đang ở tại thôn Băng-già nghe Thế Tôn nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi giới này, trong lòng rất không kham nhẫn, không hoan hỷ, nói rằng: ‘Sa-môn ấy khen ngợi giới này, tích cực chế giới này<sup>5</sup>.’

Sau khi đã trú ở đó như ý muốn tại thôn Băng-già, Đức Thế Tôn hướng đến nước Xá-vệ. Lần lượt du hành đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, Tôn giả Ca-diếp Thị liền sanh lòng hối hận: ‘Ta nay mất lợi, bị bất lợi lớn, khi Thế Tôn nói về pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới; đối với Thế Tôn tâm ta không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’

Sáng sớm hôm sau, Tôn giả Ca-diếp Thị đắp y mang bát vào thôn Băng-già khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, gởi ngựa cụ<sup>6</sup>, rồi tự mang y bát đến thành Xá-vệ. Sau khi lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, cất y bát và rửa chân xong, đi đến Thế Tôn, đánh lẽ dưới chân và bạch Phật rằng:

“Con xin hối lỗi, Thế Tôn! Con xin hối lỗi, Thiện Thệ! Con là kẻ ngu si không tốt, không phân biệt được; khi con nghe Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối

<sup>1</sup>. Đại Chánh, quyển 30. Quốc Dịch quyển 27, “7. Tương ứng học” tiếp theo, phẩm 2.- Pāli, A. 3.90. Pañkadadhā.

<sup>2</sup>. Băng-già-xà Băng-già-kỳ lâm 崩 伽 閣 崩 伽 耆 林. Pāli: Pañkadadhā (Saṅkavā).

<sup>3</sup>. Giới tương ứng pháp 戒 相 應 法. Pāli: sikkhāpadapatisamuyutta.

<sup>4</sup>. Ca-diếp Thị 迦 葶 氏 . Pāli: Kassapagotta.

<sup>5</sup>. Bản Pāli: adhisallikhat'evāyaṁ samaṇo, vī Sa-môn này quá khắt khe.

<sup>6</sup>. Hán: phó chúc ngựa cụ 付囑臥具. Pāli: senāsanām saṃsametvā, thâu thập tọa ngựa cụ.

với Thế Tôn con đã không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’”

Phật bảo Ca-diếp Thị:

“Ở chỗ nào nơi Ta mà ông không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’?”

Ca-diếp Thị bạch Phật rằng:

“Lúc Thế Tôn ở trong rừng Băng-già-kỳ, tại thôn Băng-già-xà, vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi giới này. Con lúc bấy giờ đối với Thế Tôn tâm không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’ Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự biết hối tội, tự thấy hối tội mình. Xin Đức Thế Tôn thương xót nhận sự hối lỗi của con.”

Phật bảo Ca-diếp Thị:

“Ông đã tự biết hối lỗi vì đã ngu si, không tốt, không phân biệt được, nên khi nghe Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối với Ta mà không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’ Ca-diếp, nay ông đã tự biết hối lỗi, đã tự thấy hối lỗi rồi, thì trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sanh<sup>7</sup>. Nay Ta vì thương xót ông nên nhận sự sám hối của ông.”

Sau khi Ca-diếp Thị sám hối như vậy rồi, thì thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ bị suy giảm. Vì sao? Vì nếu có người nào tự biết tội, tự thấy tội, mà sám hối tội lỗi, thì trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sanh, thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ suy giảm.

“Giả sử Ca-diếp là một vị Thượng tọa, không muốn học giới, không coi trọng giới, không muốn chế giới, thì Tỳ-kheo như vậy Ta không khen ngợi. Vì sao? Vì nếu Đại Sư mà khen ngợi người này, thì những người khác sẽ lại gần gũi, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gần gũi, tôn trọng, thì sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm.

<sup>7</sup>. Pāli: āyatīm samvaram āpajjati, phòng hộ phạm tội trong tương lai. Bản Hán đọc upajjati (sanh khởi) thay vì āpajjati (phạm tội).

Nếu người nào có việc làm giống như kia, thì mãi mãi sẽ chịu khổ không lợi ích gì. Cho nên Ta đối với Trưởng lão này, ban đầu không khen ngợi, vì vị ấy ngay lúc đầu đã không thích học giới. Như trưởng lão, trung niên, thiếu niên cũng như vậy.

“Nếu Thượng tọa Trưởng lão này, ban đầu coi trọng học giới, khen ngợi việc chế giới, thì Trưởng lão như vậy, Ta sẽ khen ngợi, vì ban đầu đã thích học giới. Đại Sư sẽ khen ngợi người này thì những người khác sẽ lại gần gũi, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gần gũi, tôn trọng, thì sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm. Đồng sở kiến, cho nên, đời vị lai sẽ được lợi lâu dài. Cho nên đối với vị Trưởng lão Tỳ-kheo kia, thường phải khen ngợi, vì sơ thủy đã vui thích học giới. Vị trung niên, thiếu niên cũng lại như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 831. GIỚI<sup>8</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các Tỳ-kheo Thượng tọa Trưởng lão, sơ thủy không vui thích học giới, không coi trọng học giới, thấy Tỳ-kheo khác ban đầu vui thích học giới, coi trọng giới, khen ngợi việc chế giới, vị ấy cũng không tùy thời khen ngợi, đối với những Tỳ-kheo này Ta cũng không khen ngợi, vì vị ấy sơ thủy không vui thích học giới. Vì sao? Vì nếu Đại Sư khen ngợi vị ấy, thì người khác sẽ lại gần gũi tôn trọng, đồng kiến giải. Vì đồng kiến giải nên lâu dài chịu khổ không có lợi ích. Cho nên Ta đối với các trưởng lão,... trung niên, thiếu niên kia, cũng lại như vậy. Người vui thích học giới như trước đã nói.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

---

<sup>8.</sup> Pāli, A. 3.90. Pañkadadhā.

## KINH 832. HỌC<sup>9</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là tăng thượng Giới học.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú Sơ thiền,... cho đến chứng và an trú đệ Tứ thiền. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ Thánh đế này, biết như thật về Khổ tập Thánh đế này, Khổ diệt Thánh đế này, Khổ diệt đạo tích Thánh đế này, thì đó gọi là tăng thượng Tuệ học.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

*Các kinh khác nói về Ba học, như đã nói Niệm xứ ở trước.*

*Như Thiền, Vô lượng, Vô sắc cũng vậy. Như bốn Thánh đế, cũng vậy bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, Bốn đạo, Bốn pháp cú và tu tập Chỉ quán cũng nói như vậy.<sup>10</sup>*

\*\*  
\*

<sup>9</sup>. Pāli, A. 3.88. Sikkhā.

<sup>10</sup>. Tóm tắt có mười kinh.

KINH 833. LY-XA<sup>11</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hâu, nước Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ có người iuyện voi giỏi người Ly-xa, tên là Nan-đà<sup>12</sup>, đến chõ Phật, cúi đầu đánh lẽ dưới chân Phật, lui qua ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ly-xa Nan-đà rằng:

“Nếu Thánh đệ tử thành tựu bốn Bất hoại tịnh, mà muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng; muốn cầu dung sắc, sức lực, khoái lạc, biện tài, liền được một cách tự tại. Những gì là bốn? Thành tựu Phật bất hoại tịnh; thành tựu Pháp, Tăng bất hoại tịnh; thành tựu Thánh giới bất hoại tịnh. Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sanh lên cõi trời, ở đó được mười thứ pháp. Những gì là mươi? Được tuối thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, khoái lạc cõi trời, tự tại cõi trời và sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi trời. Nếu Thánh đệ tử ở trên trời mạng chung sẽ sanh vào cõi người. Ta thấy họ đầy đủ mươi điều. Những gì là mươi? Được tuối thọ cõi người, người tốt đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi người. Ta nói vị đa văn Thánh đệ tử này tin không do người khác, ước muốn không do người khác<sup>13</sup>, không nghe từ người khác, không lấy ý người khác, tư duy không nhân bởi người khác. Ta nói vị ấy có tri kiến chánh tuệ như thật.”

Bấy giờ, có người đi theo Nan-đà, thưa Nan-đà rằng:

“Giờ tắm đã đến, bây giờ xin ngài đi cho!”

Nan-đà đáp rằng:

<sup>11</sup>. Ẩn Thuận Hội Biên, “16. Tương ưng Bất hoại tịnh”, gồm hai mươi chín kinh (số 1136-1164). Phần lớn tương đương Pāli, S.55. Sotāpattisauyutta. Quốc Dịch, quyển 26 tiếp theo, “8. Tương ưng Bất hoại tịnh”, chia làm hai phẩm. – Pāli, S. 55.30. Licchavi.

<sup>12</sup>. Điều tượng sư Ly-xa 調象師 離車. Pāli: Nandako Licchavimahāmatto. Vị Đại thần của Licchavi tên là Nandaka.

<sup>13</sup>. Bất do tha dục 不由他欲. Đây chỉ thiện pháp dục (Pāli: kusaladhammachanda).

“Nay ta không cần tắm gội theo thế gian, mà nay ta ở trong pháp thắng diệu này tự tắm gội; vì đối với Thế Tôn ta đã có được tín lạc thanh tịnh.”<sup>14</sup>

Sau khi người huấn luyện voi Ly-xa Nan-đà nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

\*\*

### KINH 834. BẤT BẦN<sup>15</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh đệ tử nếu thành tựu được bốn Bất hoại tịnh, thì ở giữa loài người không sống cuộc sống nghèo khổ; không bị lạnh rét, xin ăn; mà tự nhiên giàu sang đầy đủ. Những gì là bốn? Thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới. Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 835. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG<sup>16</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được bốn thứ thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân

<sup>14.</sup> Thanh tịnh tín lạc 淸淨信樂 . Pāli: pāsada, trong sáng thuần tịnh; cũng có nghĩa tịnh tín. Do đó, aveccappasāda, bất hoại tịnh, hay chứng tịnh, trừng tịnh, cũng nói là bất động tín.

<sup>15.</sup> Không nghèo. Pāli, S. 55.44-45. Mahaddhana.

<sup>16.</sup> Pāli, S. 55.1 Rājā.

hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Tuy lại làm Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ và sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi trời, nhưng vẫn còn chưa đoạn trừ được cái khổ của đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao? Vì Chuyển luân vương chưa đạt được bất hoại tịnh đối với Phật, chưa được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giời.

Đa văn Thánh đệ tử mang y phấn tảo, xin ăn khắp mọi nhà, dùng ngoại cụ bằng cổ, nhưng các vị đa văn Thánh đệ tử này đã giải thoát được cái khổ của các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì sao? Vì các vị đa văn Thánh đệ tử này đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Phật; đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giời. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giời.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 836. TỨ BẤT HOẠI TỊNH<sup>17</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông nên khởi lòng thương mến và lòng từ bi. Đối với những gì các ông nói, nếu có người nào thích nghe, thích lãnh thọ, thì các ông hãy vì họ mà nói về bốn bất hoại tịnh, khiến cho chứng nhập, khiến cho an trụ<sup>18</sup>. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp; bất hoại tịnh đối với Tăng; thành tựu Thánh

<sup>17</sup>. Pāli, S. 55.16-17. Mittenāmaccā.

<sup>18</sup>. Pāli: Ye te bhikkhave anukampeyyātha, ye ca sotabham maññeyyum, miitā vā amaccā vā nāti vā salohitā vā, te bhikkhave catūsu sotāpattiyaṅgesu samādapetabbā: “Này các Tỳ-kheo, những người mà các người yêu thương, những người có thể tư duy điều cần được nghe, tức là bằng hữu, thân thích, huyết thống; các người hãy khuyến dẫn họ vào trong bốn chi phần của Dự lưu”.

giới. Vì sao? Dù bốn đại: đất, nước, lửa, gió có sự thay đổi tăng giảm, bốn bất hoại tịnh này chưa từng có sự tăng giảm biến khác. Chúng không tăng giảm biến khác, cho nên đa văn Thánh đệ tử đã thành tựu được đối với Phật, mà nếu bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì điều này không thể có được. Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: ‘Tôi sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới và sẽ thiết lập cho người khác cũng được thành tựu.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 837. QUÁ HOẠN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu tin người, sanh năm điều lỗi lầm: Hoặc khi người ấy vi phạm giới luật, bị chúng từ bỏ<sup>19</sup>, thì người tin kính kẻ đó sẽ nghĩ như vầy: ‘Đây là thầy của ta, được ta kính trọng, nay bị chúng Tăng từ bỏ. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa tháp rồi, thì sẽ không kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được an trú lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất do tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, ai tin kính người, nếu người được kính vi phạm giới luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến<sup>20</sup>; ai tin kính người sẽ nghĩ như vầy: ‘Đây là thầy ta, đã được ta kính trọng mà nay bị chúng Tăng cử tội bất kiến. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp nữa?’ Khi đã không vào chùa tháp rồi, thì không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi

---

<sup>19</sup>. Bị Tăng tác pháp yết-ma xả trí.

<sup>20</sup>. Tỳ-kheo phạm tội nhưng ngoan cố không tự thừa nhận, Tăng tác pháp yết-ma bất kiến tội.

là lỗi lầm thứ hai do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, người kia nếu đắp y mang bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Người được ta kính, đã đắp y mang bát du hành nhân gian. Nay ta còn lý gì mà vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không vào chùa tháp rồi, thì không còn cung kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, xả giới hoàn tục, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, đã xả giới hoàn tục, nay ta không nên vào chùa tháp này. Khi đã không vào chùa rồi, sẽ không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, thân hoại mạng chung, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã qua đời; nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa nữa, thì sẽ không còn kính Tăng. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm do dễ tin kính người sanh ra.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.’

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 838. THỰC<sup>21</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

<sup>21</sup>. Pāli, S. 55.31. Abhisanda (1).

“Có Bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh, nghiệp thọ và làm tăng trưởng bốn đại. Những gì là bốn? Đó là Đoàn thực, Xúc thực, Ý tư thực và Thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ phước đức thẩm nhuần làm thức ăn an lạc<sup>22</sup>. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: “Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 839. GIỚI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.*

“Người thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, được nghe Pháp, được chúng Tăng hộ niệm và thành tựu Thánh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 840. GIỚI (2)<sup>23</sup>

*Kinh kể này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Người nào nếu thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng, thì đối với sự bẩn sẩn nhơ nhớt trói buộc chúng sanh, sẽ xa lìa được lòng bẩn sẩn nhơ nhớt, tại gia mà an trụ giải thoát; tâm thường hành bố thí, thích bố thí, luôn an lạc trong việc thực hành xả thí bình đẳng, thành tựu được Thánh giới.”

---

<sup>22</sup>. Pāli: Cattārome puññābhisañā kusalābhisañā sukhassāhārā, có bốn sự thẩm nhuần của phước, của thiện, là thức ăn cho sự an lạc.

<sup>23</sup>. Pāli, S. 55.32. Abhisanda (2).

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 841. NHUẬN TRẠCH<sup>24</sup>

*Kinh kể này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Thánh đệ tử như vậy có bốn thứ phước đức thấm nhuần, thiện pháp thấm nhuần; nếu đem công đức ra để so sánh, nghiệp họ, thì không thể so sánh là được bao nhiêu phước quả, bao nhiêu quả, bao nhiêu phước quả đã tích tập. Nhưng chúng được kể là rất nhiều phước lợi, điều đó được cho là sự tích tụ phước đức lớn. Thí như hợp lưu của năm con sông: Hằng hà, Da-bồ-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê<sup>25</sup>; nước hiệp lưu các con sông này dù có dùng trăm bình, ngàn bình, trăm ngàn vạn bình cũng không thể nào đong lường được, vì nước này quá nhiều, điều đó được cho là sự hợp tụ các dòng nước lớn. Cũng vậy Thánh đệ tử đã thành tựu bốn thứ công đức thấm nhuần, nên không thể đo lường được phước đức của họ là nhiều hay ít, vì sự nhiều phước của họ được hiểu là do sự tích tụ nhiều thứ công đức lớn. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy: ‘Ta sẽ thành bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giời.’”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Biển lớn nhiều tốt lành,  
Sạch mình, sạch vật khác;  
Sâu rộng mà lặng trôi,  
Gồm đầy trăm dòng nước.  
Tất cả các sông rạch,  
Đều quy về biển lớn;  
Nơi các loài nương sống.*

<sup>24</sup>. Pāli, S. 55.41-42. Abhisanda.

<sup>25</sup>. Năm sông lớn: Hằng hà 恒 河, Da-bồ-na 耶 菩 那, Tát-la-do 薩 羅 由, Y-la-bạt-đề 伊 羅 跋 提, Ma-hê 摩 蘆 . Pāli: Gaṅgā, Yamunā, Sarabhū, Aciravatī, Mahī.

*Thân này cũng như vậy,  
Tu công đức thí, giới;  
Nơi trăm phước quy về.*

\*\*

### KINH 842. BÀ-LA-MÔN<sup>26</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người Bà-la-môn nói đạo hư dối, ngu si, tà ác, không chân chánh thú hướng; chẳng phải trí Đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Người ấy giáo hóa đệ tử như vầy: Vào ngày rằm, dùng bột hồ-ma, bột am-la-ma-la tắm gội thân thể, mặc áo kiếp-bối mới, đầu phủ tơ dài, trét phân bò trên đất, mà nằm lên, rồi bảo rằng: ‘Thiện nam tử, buổi mai dậy sớm, cởi áo để ở một chỗ, thân hình trần truồng, chạy nhanh về hướng Đông. Giữa đường giả sử có gặp voi hung, ngựa dữ, trâu điên, chó đại, gai gốc, rừng rậm, hầm hố, nước sâu đi nữa vẫn phải thẳng tiến về phía trước chớ nên tránh. Nếu gặp hại mà chết, quyết sẽ được sanh lên cõi Phạm thiên.’ Đó gọi là ngoại đạo ngu si tà kiến, chẳng phải trí Đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Ta vì các đệ tử nói về đường chính bằng phẳng chẳng phải ngu si, mà là hướng đến trí tuệ Đẳng giác, hướng đến Niết-bàn. Đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 843. XÁ-LỢI-PHẤT (I)<sup>27</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

<sup>26</sup>. Pāli, S. 55.12. Brāhmaṇa.

<sup>27</sup>. Pāli, S. 55.5. Sāriputta (2).

“Bảo là dòng<sup>28</sup>; thế nào là dòng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Gọi là Nhập lưu phần<sup>29</sup>, vậy thế nào là Nhập lưu phần?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần<sup>30</sup>. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Người Nhập lưu<sup>31</sup> phải thành tựu bao nhiêu pháp?”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Như những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>28</sup>. Hán: lưu 流. Pāli: sota, dòng nước.

<sup>29</sup>. Nhập lưu phần 入流分, cũng nói là Dự lưu chi, chi phần của dòng Thánh. Pāli: sotāpattiyaṅga.

<sup>30</sup>. Bốn Dự lưu chi, xem *Phẩm Loại Túc Luận* 2, tr.458b: thân cận Thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Cf. D.iii. Saṅgīti, cattāri sotāpattiyaṅgāni: sappurisa-saṃsevo, saddhamma-savanaṃ, yoniso-manasikāro, dhammadūḍhammāpaṭipatti.

<sup>31</sup>. Nhập lưu giả 入流者. Pāli: sotāpanna, chỉ Thánh giả Tu-dà-hoàn, hay Dự lưu.

## KINH 844. XÁ-LỢI-PHẤT (2)<sup>32</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi khích lệ xong, rồi đứng qua một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ trả lời không?”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Theo ý Tôn giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ đáp.”

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

“Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà với Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ?”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Do đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn? Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan<sup>33</sup>:

“Đúng vậy, đúng vậy! Do đoạn trừ được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả,

<sup>32</sup>. Pāli, S. 55.4. Sāriputta (1).

<sup>33</sup>. Trong nguyên bản, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Xá-lợi-phất.

Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ luận bàn xong, đều tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

\*\*  
\*

### KINH 845. KHỦNG BỐ (1)<sup>34</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo dập tắt được năm sợ hãi và oán thù<sup>35</sup>, được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về chánh đạo của bậc Hiền thánh; vị Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng đã diệt tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ.

“Thế nào là dập tắt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh; người ấy tránh xa sự sát sanh, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh được dập tắt. Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; người ấy tránh xa trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu được dập tắt. Đó gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi phát sanh ra từ nhân duyên oán thù của các tội trên.

“Thế nào là ba pháp quyết định không sanh ra nghi hoặc? Là đối với Phật quyết định lìa nghi hoặc, đối với Pháp và Tăng quyết định lìa nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định lìa nghi hoặc.

“Thế nào gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo? Là biết như thật đây là Khổ Thánh đế, biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt

<sup>34</sup>. Pāli, S. 55.29. Bhayaṃ (hay Bhikkhu) (2).

<sup>35</sup>. Khủng bố đối oán 恐怖 對怨. Pāli: bhayavera, kinh sợ và oán thù.

Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, đó gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo.

“Nếu đối với năm tội sơ hãi này mà dập tắt oán thù, đối với ba pháp quyết định xa lìa nghi hoặc, đối với Thánh đạo mà tri kiến như thật; Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng: ‘Ta đã đoạn tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đắc Tu-dà-hoàn, không còn bị đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 846. KHỦNG BỐ (2)<sup>36</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định.”

*Kinh tiếp<sup>37</sup> cũng nói như vậy, nhưng có một vài sai khác:*

“Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tri kiến như thật về mười hai duyên khởi như đã nói: sự này có, nên sự kia có; sự này khởi, nên sự kia khởi. Như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Đó gọi là tri kiến như thật của các Thánh đệ tử.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

<sup>36</sup>. Pāli, S. 55.28, Duvera, hay Anāthapiṇḍika.

<sup>37</sup>. Ấm Thuận tách thành một kinh riêng.

KINH 847. THIÊN ĐẠO (1)<sup>38</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thiên đạo của chư Thiên<sup>39</sup> làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh, lại tịnh hơn. Những gì là bốn? Thánh đệ tử có bất hoại đối tịnh với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là bốn Thiên đạo của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến cho tịnh, đã tịnh lại khiến cho tịnh hơn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

KINH 948. THIÊN ĐẠO (2)<sup>40</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niêm tưởng Như Lai sự<sup>41</sup> như vậy: ‘Như Lai là Đẳng Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với Như Lai sự này, mà sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an<sup>42</sup>; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sán nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gấp hoặc sơ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo

<sup>38</sup>. Pāli, S. 55.35. Devapada.

<sup>39</sup>. Chư Thiên thiên đạo 諸 天 天 道. Pāli: devānam devapadāni.

<sup>40</sup>. Pāli, S. 55.35. Depada.

<sup>41</sup>. Như Lai sự 如 來 事, tức Như Lai hiệu. Pāli: Tathāgataguṇa (?).

<sup>42</sup>. Hán: thân ý túc 身 猶 息.

hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo đệ nhất của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp sự như vậy: Chánh pháp luật được Như Lai tuyên thuyết, ngay đời hiện tại xa lìa mọi thứ thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tự thân quán sát, duyên nơi tự mình mà giác tri. Do biết pháp sự như vậy rồi, thì tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

“Lại nữa Tỳ-kheo, nếu đối với Tăng sự, khởi chánh niệm như vậy: ‘Tăng đệ tử của Thế Tôn, chánh trực thú hướng đáng được cung kính tôn trọng cúng dường, là ruộng phước vô thượng.’ Vì ấy chân chánh suy niệm Tăng sự như vậy, liền sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

“Lại nữa Thánh đệ tử tự nghĩ về những giới sự đã có, suy niệm nhớ nghĩ rằng: ‘Giới này của ta là giới không khuyết, giới không ô uế, giới không tạp; giới được bậc minh trí khen; giới được kẻ trí không chán.’ Đối với những giới sự như vậy, sau khi đã thật sự nhớ nghĩ đến rồi, thì tâm sẽ sanh ra tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân

hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sơ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.’

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 849. THIỀN ĐẠO (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự<sup>43</sup> như vậy: ‘Như Lai là Đẳng Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thê, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vì ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậy rồi, liền đoạn trừ tham ác và đoạn trừ lối tham ác bất thiện của tâm. Vì nghĩ đến Như Lai nên sanh tâm tùy hỷ; do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sơ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.’

<sup>43</sup>. Xem cht.41, kinh 848 trên.

hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\* \* \*

### KINH 850. THIÊN ĐẠO (4)<sup>44</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự<sup>45</sup> như vầy: ‘Như Lai là Đẳng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vì Thánh đệ tử ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậy rồi, tâm không bị tham dục triền phược, sân hận, ngu si triền phược<sup>46</sup>. Tâm ấy chánh trực, niệm tưởng Như Lai sự. Thánh đệ tử này được dòng nước pháp, được dòng nước của nghĩa<sup>47</sup>, được tùy hỷ lợi ích do niệm tưởng Như Lai<sup>48</sup>. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vầy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sán nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh

<sup>44</sup>. Pāli, A. 11.12-13. Mahānāma.

<sup>45</sup>. Xem cht.41, kinh 848 trên.

<sup>46</sup>. Tham dục triỀn, sân nhuẾ triỀn, ngu si triỀn 貪 欲 纏, 暢 悲 纏, 愚 癡 纏. Pāli: rāgapariyuṭṭhita, dosapariyuṭṭhita, mohapariyuṭṭhita, (tâm) bị quấn chặt bởi tham, sân, si.

<sup>47</sup>. Hán: pháp lưu thủy, nghĩa lưu thủy 法 流 水, 義 流 水. Bản Pāli: dhammaveda, athaveda.

<sup>48</sup>. Bản Pāli: dhammadupasamhitam pāmojjam, sự hoan hỷ liên hệ đến pháp.

khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 851. PHÁP KÍNH (1)<sup>49</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính<sup>50</sup>. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 852. PHÁP KÍNH (2)<sup>51</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ<sup>52</sup>. Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong khi khất thực nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh<sup>53</sup> đều qua đời. Sau khi khất thực xong trở về tinh xá cất y bát và rửa chân

<sup>49</sup>. Tấm gương của pháp. Pāli, S. 55.9. Giñakāvasatha.

<sup>50</sup>. Pháp kính kinh 法鏡經. Pāli: dhammadāsa dhammapariyāya, pháp môn Pháp kính.

<sup>51</sup>. Pāli, S. 55.8. Giñakāvasatha.

<sup>52</sup>. Bản Pāli, như kinh 854.

<sup>53</sup>. Nan-đồ Tỳ-kheo 難屠比丘, Nan-đà Tỳ-kheo-ni 難陀比丘尼, Thiện Sanh Ưu-bà-tắc 善生優婆塞, Thiện Sanh Ưu-bà-di 善生優婆夷. Pāli: Sālha (?) bhikkhu, Nandā bhikkhuni; Sudatta (?) upāsaka, Sujātā upāsikā. S.55.8-10, danh sách còn dài hơn.

xong, đến chõ Phật, cúi đầu đánh lẽ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh đều đã qua đời. Bạch Thế Tôn, vậy bốn vị này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo Nan-đồ và Tỳ-kheo-ni Nan-đà vì đã hết các lậu nên đã được tâm giải thoát.vô lậu, tuệ giải thoát; ngay trong đời này tự tri, tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Còn Ưu-bà-tắc Thiện Sanh và Ưu-bà-di Thiện Sanh vì năm hạ phần kết đã hết nên đắc A-na-hàm, sanh lên cõi trời mà vào Bát-niết-bàn, không còn sanh vào cõi này nữa.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói kinh Pháp Kính... Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật,..., thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp Kính.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 853. PHÁP KÍNH (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ<sup>54</sup>.

*Như đã nói đầy đủ ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni kia, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kia qua đời, cũng nói như trên<sup>55</sup>. ”

\*\*  
\*

---

<sup>54.</sup> Bản Pāli, như kinh 854.

<sup>55.</sup> Danh sách đầy đủ, S. 55.8-10.

KINH 854. NA-LÊ-CA<sup>56</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Phồn-kỳ-ca tại tụ lạc Na-lê-ca<sup>57</sup>. Bấy giờ ở đây có nhiều người qua đời.

Lúc ấy, có các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào tụ lạc Na-lê-ca khất thực, nghe tin ở tụ lạc Na-lê-ca các Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá, Ni-ca-tra, Khư-lăng-ca-la, Ca-đa-lê sa-bà, Xà-lộ, Ưu-ba-xà-lộ, Lê-sắc-trà, A-lê-sắc-trà, Bạt-dà-la, Tu-bạt-dà-la, Da-xá, Da-du-dà, Da-xá, Uất-đa-la<sup>58</sup> tất cả đều qua đời tại đây. Sau khi nghe rồi trở về tinh xá cất y bát rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Sáng sớm số đông các Tỳ-kheo chúng con vào tụ lạc Na-lê-ca khất thực, nghe tin Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá và nhiều người qua đời. Bạch Thế Tôn, những người này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Kế-ca-xá và những người kia, đã đoạn năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên trời, không sanh lại cõi này nữa.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc đã qua đời. Lại có năm trăm Ưu-bà-tắc tại tụ lạc Na-lê-ca này qua đời. Tất cả đều dứt hết năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên cõi trời kia, không còn sanh trở lại đời này nữa.”

“Lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc qua đời đều dứt hết ba kết, tham, nhuốm và si mỏng, đắc Tư-dà-hàm, sẽ chịu một lần sanh, mới rốt ráo thoát khổ. Tại tụ lạc Na-lê-ca này lại có năm trăm Ưu-bà-

<sup>56</sup>. Pāli, S. 55.10. Giñjakāvasatha.

<sup>57</sup>. Na-lê-ca tụ lạc Phồn-kỳ-ca tinh xá 那梨迦聚落繁耆迦精舍. Pāli: Nātikē Giñjakāvasathe.

<sup>58</sup>. Kế-ca-xá Ưu-bà-tắc 屬迦舍優婆塞, Ni-ca-tra 尼迦吒, Khư-lăng-ca-la 佉楞迦羅, Ca-đa-lê sa-bà 迦多梨沙婆, Xà-lộ 閻露, Ưu-ba-xà-lộ 優婆闍露, Lê-sắc-trà 梨色吒, A-lê-sắc-trà 阿梨色吒, Bạt-dà-la 跋陀羅, Tu-bạt-dà-la 須跋陀羅, Da-xá 耶舍, Da-du-dà 耶輸陀, Uất-đa-la 簒多羅. Danh sách Pāli, S. 55.10: Kakkaṭo nātikē upāsako, Kālibho, Nikato, Kaṭissabho, Tuṭṭho, Santuṭṭho, Bhaddo, Subhaddo.

tắc qua đời tại tụ lạc Na-lê-ca này, đã dứt hết ba kết, đắc Tu-dà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người rốt ráo thoát khổ.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phàm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành,... cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ấm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt,... cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ấm bị diệt như vậy.

“Nay Ta sẽ vì các ông nói về kinh Pháp kinh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói. Thế nào là kinh Pháp kinh? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kinh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 855. NAN-ĐỀ (I)<sup>59</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Ưu-bà-tắc Nan-đề<sup>60</sup> đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu Thánh đệ tử đối với năm căn<sup>61</sup>, mà trong tất cả thời<sup>62</sup> đều không thành tựu, đó là do phóng dật hay chẳng phóng dật?”

Phật bảo Nan-đề:

<sup>59</sup>. Pāli, S. 55.40. Nandiya.

<sup>60</sup>. Nan-đề Ưu-bà-tắc 難 提 優 婆 塞. Pāli: Nandiyo sakko.

<sup>61</sup>. BẢN PĀLI: cattāri sotāpattyāṅgāni, bốn Dự lưu chi.

<sup>62</sup>. Hán: ư nhất thiết thời 於 一 切 時. Pāli: sabbena sabbam sabbathā sabbam, toàn bộ, một cách triệt để.

“Đối với năm căn này, nếu trong tất cả thời đều không thành tựu, thì Ta nói họ thuộc vào hạng phàm phu<sup>63</sup>. Nếu vị Thánh đệ tử mà không thành tựu, thì đó là người phóng dật chứ chẳng phải không phóng dật.

“Này Nan-đề, nếu vị Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật mà không cầu hướng thượng, không ở trong rừng vắng, hoặc ngồi nơi đất trống, ngày đêm thiền tịnh tư duy, tinh cần tu tập, để được thăng diệu xuất ly, lợi ích tùy hỷ được. Do không tùy hỷ, hoan hỷ không sanh; do hoan hỷ không sanh, thân không khinh an; do thân không khinh an, cảm giác khổ phát sanh; do cảm giác khổ phát sanh, tâm không được định. Tâm không định, Thánh đệ tử ấy được gọi là phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.

“Như vậy, Nan-đề, nếu Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, mà tâm không khởi tưởng thỏa mãn, ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, nơi đất vắng, ngày đêm thiền định tư duy, phương tiện tinh tấn, hay khởi thăng diệu xuất ly, được tùy hỷ; do được tùy hỷ, hoan hỷ phát sanh; do hoan hỷ sanh, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, tâm được định. Nếu Thánh đệ tử tâm định thì được gọi là không phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Ưu-bà-tắc Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lỗ dưới chân Phật rồi lui.

\*\*  
\*

### KINH 856. NAN-ĐỀ (2)<sup>64</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ<sup>65</sup>. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề<sup>66</sup> đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới

<sup>63</sup>. Hán: phàm phu số 凡夫數. Pāli: puthujanapakkha, thành phần phàm phu.

<sup>64</sup>. Pāli, S. 55.47. Nandiya.

<sup>65</sup>. Phật tại Xá-vệ, bản Hán có thể nhầm. Có thể ở Ca-tỳ-la-vệ. Pāli: Sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme.

<sup>66</sup>. Thích thị Nan-đề 釋氏 難提. Pāli: Sakko Nandiyo.

chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu Thánh đệ tử đối với bốn bất hoại tịnh, trong tất cả thời, không thành tựu, vậy thì Thánh đệ tử này là phóng dật hay không phóng dật?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

“Nếu đối với bốn bất hoại tịnh mà không lúc nào thành tựu, thì Ta bảo đó là những kẻ thuộc ngoài hạng phàm phu<sup>67</sup>. ”

“Này Thích thị Nan-đề Thánh đệ tử hoặc phóng dật hay không phóng dật. Nay Ta sẽ nói...” chi tiết đầy đủ như trên.

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

\*\*

### KINH 857. NAN-ĐỀ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ<sup>68</sup>. Bấy giờ an cư ba tháng đầu hạ<sup>69</sup> đã xong, có số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tịnh xá du hành trong nhân gian.

Bấy giờ, Thích thị Nan-đề nghe số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tịnh xá du hành trong nhân gian. Sau khi Thích thị Nan-đề nghe như vậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Hôm nay từ chi thân thể con rã rời, bốn phương đổi thay; những pháp con đã nghe trước kia, nay tất cả đều mịt mờ, quên hết, khi nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói: ‘Không bao lâu, khi nào may y xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.’ Cho nên nay tâm con cảm thấy rất khổ đau

<sup>67.</sup> Xem kinh 855.

<sup>68.</sup> Xem các kinh 855, 856.

<sup>69.</sup> Hán: tiền tam nguyệt hạ 前三月夏; mùa hè, tức mùa mưa, có bốn tháng. An cư trong phạm vi ba tháng đầu.

vì không biết lúc nào sẽ gặp lại được Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?"

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

"Dù có gặp Phật hay không gặp Phật, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay không gặp, thì ông vẫn nên tùy thời tu tập năm điều hoan hỷ. Những gì là năm? Ông nên tùy thời niệm tưởng Như Lai sự: 'Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.' Niệm tưởng Pháp sự, Tăng sự, tự mình giữ giới sự cùng hành thế sự. Người hãy tùy thời nhớ nghĩ là: 'Ta đã được lợi cho mình. Đối với những bốn sển cấu uế của chúng sanh, ta sẽ tu tập nhiều lìa khỏi cuộc sống bốn sển cấu uế, tu bố thí giải thoát, bố thí xả, luôn bố thí nhiệt tình, vui thích xả, huệ thí bình đẳng, tâm luôn nhớ đến việc bố thí.' Như vậy, Thích thị Nan-đề, với năm chi của định này, hoặc đứng, đi, ngồi, nằm cho đến cùng với vợ con, luôn luôn phải buộc niệm tam-muội này."

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

\*\*  
\*

### KINH 858. NAN-ĐỀ (4)<sup>70</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu hạ<sup>71</sup>. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề nghe Phật kiết an cư ba tháng đầu hạ ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ<sup>72</sup>. Sau khi nghe liền nghĩ: 'Ta nên đến đó. Tại đó cũng dường và làm mọi công việc để cung cấp cho Như Lai cùng Tỳ-kheo Tăng.' Ông liền đến đó. Sau ba tháng, bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: 'Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.'

<sup>70</sup>. Pāli, A. 11.14. Nandiya.

<sup>71</sup>. Xem cht.69 kinh 857.

<sup>72</sup>. Có thể ở Ca-tỳ-la-vệ thì đúng hơn. Xem cht.65, kinh 857.

Sau khi Thích thị Nan-đề nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn nói: ‘Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.’ Liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương thay đổi; những pháp con đã nghe trước đây, nay tất cả đều mờ mịt, quên hết. Con nghe Thế Tôn du hành trong nhân gian, con không biết bao giờ sẽ gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

“Dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì ông cũng nên tùy thời mà tu tập về sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Hãy niệm Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự, giới mình đã giữ, việc hành thí của mình, niệm chư Thiên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

\*\*

### KINH 859. LÊ-SƯ-ĐẠT-ĐA<sup>73</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu mùa hạ, *như nói ở trước, nhưng có một vài sai biệt*:

“Bấy giờ gia chủ tên là Lê-sư-đạt-đa<sup>74</sup> và Phú-lan-na<sup>75</sup>. Hai anh em nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn, may y cho Thế Tôn, như kinh Nan-đề đã nói đầy đủ ở trên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, gia chủ Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

\*\*

<sup>73</sup>. Tham chiếu kinh 858.

<sup>74</sup>. Lê-sư-đạt-đa 梨 師 達 多. Pāli: Isidatta. Xem kinh 860.

<sup>75</sup>. Phú-lan-na 富 蘭 那. Pāli: Purāṇa. Xem kinh 860.

## KINH 860. ĐIỀN NGHIỆP<sup>76</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kiết an cư ba tháng đầu mùa hạ xong, các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn. Bấy giờ có gia chủ Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na<sup>77</sup>, hai anh em đang chăm sóc ruộng nương ở trong đầm Lộc kính<sup>78</sup>, nghe số đông các Tỳ-kheo ở tai nhà ăn may y cho Thế Tôn nói rằng: ‘Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian.’ Sau khi nghe xong bảo một người đàn ông rằng: ‘Nay người nên đến chỗ Thế Tôn xem Thế Tôn, nếu đã đi rồi, hãy nhanh chóng trở về báo cho ta hay.’

Sau đó người đàn ông kia vâng lời dạy đến một chỗ kia, gặp Thế Tôn đang ra đi, liền vội vàng trở về báo cho Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na là ‘Thế Tôn và đại chúng đang đến.’

Bấy giờ, Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đi nghinh đón Thế Tôn. Thế Tôn từ xa nhìn thấy Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na theo con đường đang đi đến, liền ra ngoài lề đường trải tọa cụ, ngồi ngay thẳng. Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương đổi dời; tất cả mọi ức niêm, nay đều mờ mịt quên hết, không biết lúc nào sẽ được gặp lại Phật cùng các Tỳ-kheo tri thức? Hôm nay Thế Tôn ra đi đến Câu-tát-la; từ Câu-tát-la đến Ca-thi; từ Ca-thi đến Ma-la; từ Ma-la đến Ma-kiệt-đà; từ Ma-kiệt-đà đến Ương-già, từ Ương-già đến Tu-ma; từ Tu-ma đến Phân-đà-la; từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già<sup>79</sup>. Cho nên hôm nay con vô cùng khổ não, không biết lúc nào

<sup>76</sup>. Pāli, S. 55.6. Thapatayo.

<sup>77</sup>. Xem cht.74,75, kinh 859.

<sup>78</sup>. Lộc kính trạch 鹿 徑 澤 . Pāli: Isidattapurāṇā thapatayo sādhuke paṭivasantī, hai người thợ Isidatta và Purāṇa đang ở tại thôn Sādhuka.

<sup>79</sup>. Câu-tát-la 拘 薩 羅 ; Ca-thi 伽 尸 ; Ma-la 摩 羅 ; Ma-kiệt-đà 摩 竭 陀 ; Ương-già 殶 伽 , Tu-ma 修 摩 ; Phân-đà-la 分 陀 羅 ; Ca-lăng-già 迦 陵 伽 . Pāli, theo thứ tự: Kosala, Kāsi, Malla, Magadha, Āṅga, Sumbha, Puṇḍarīka, Kaliṅga. Lộ trình không giống với S. 55.6.

được gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức.”

Phật bảo Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na:

“Các người dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, dù có gặp các Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì các người cũng nên tùy thời mà tu tập sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Các người hãy niệm Như Lai sự, nói đầy đủ... cho đến niệm Thiên. Nhưng này các gia chủ! Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch.”

Gia chủ bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Ngài khéo nói pháp này. Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch. Con là đại thần của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc lúc muốn dạo viền quấn, sai con cõi voi lớn chở các cung nữ được sủng ái nhất của vua. Một ngồi trước con, một sau con, con ngồi ở giữa. Khi voi xuống đồi, người ở trước choàng vào cổ con, người sau ôm lưng con; khi voi lên đồi, người sau bám lấy gáy con, người trước vít lấy áo con.

“Các thể nữ này vì muốn chiếm lòng vui thích của nhà vua nên mặc xiêm y lụa là sặc sỡ, trang điểm bằng anh lạc và các loại hương vị diệu. Lúc cùng dạo chơi con luôn luôn giữ ba điều: Một là điều khiển voi, sợ rằng lạc mất đường chính; hai tự giữ tâm mình, sợ rằng sẽ sanh ra đắm nhiễm; ba tự giữ gìn, sợ rằng sẽ bị rơi ngã. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, đối với các thể nữ của vua, con không giây phút nào là không chánh tư duy.”

Phật bảo gia chủ:

“Lành thay, lành thay! Có thể khéo giữ tâm mình.”

Gia chủ bạch Phật:

“Những tài vật mà con có được ở tại gia, thường đem cúng dường cho Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và giúp đỡ cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng chung thọ dụng, chứ không kể là của con.”

Phật bảo gia chủ:

“Lành thay, lành thay! Đối với cửa cải, gia chủ là người có tiền của giàu sang tốt nhất tại nước Câu-tát-la, không ai có thể sánh bằng, mà không kể là cửa mình.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ này mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.



## TẬP A HÀM QUYỂN 31

### KINH 861. ĐÂU-SUẤT THIỀN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bốn trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất-dà<sup>2</sup>. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mươi hai tháng là một năm. Chư Thiên Đâu-suất-dà thọ bốn ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 862. HÓA LẠC THIỀN<sup>3</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tám trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Hóa-lạc<sup>4</sup>. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mươi hai tháng là một

<sup>1</sup>. Đại Chánh, quyển 31, kinh số 861-904. –Phật Quang, quyển 23, kinh số 575-618.–Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 7. Như Lai sở thuyết, “37. Tương ưng thiên,” gồm 48 kinh, số 12874-12921 (*Đại Chánh*, số 861-872); “38. Tương ưng tu chứng,” gồm bảy mươi kinh, số 12922-12991 (*Đại Chánh*, số 873-891); “39. Tương ưng Nhập giới ấm,” gồm một trăm tám mươi hai kinh, số 12992-13173 (*Đại Chánh*, số 892-901) và kinh đầu của “40. Tương ưng Bất hoại tịnh,” số 13174-13173.- Quốc Dịch quyển 28 (*nửa sau*), Tụng 5. Đạo tụng, “Tương ưng chư Thiên” (bao gồm bốn tương ứng trong Ấn Thuận Hội Biên) chia thành mươi ba phẩm, gồm bốn mươi ba kinh, số 12685-12955 (*Đại Chánh*, số 861-904). Cf. A. 3.70. Uposathaṅga.

<sup>2</sup>. Đâu-suất-dà 兜率陀 . Pāli: Tusita.

<sup>3</sup>. Như kinh 861.

<sup>4</sup>. Hóa lạc thiên 化樂天 . Pāli: Nimmānarati.

năm. Chư thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*\*

### KINH 863. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sáu ngàn năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Tha hóa tự tại<sup>5</sup>. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mươi hai tháng là một năm. Chư Thiên Tha hóa tự tại thọ một vạn sáu ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Phật đã nói sáu kinh; cũng vậy, Tỳ-kheo nọ hỏi sáu kinh và Phật hỏi các Tỳ-kheo sáu kinh cũng nói như vậy.*

\*\*  
\*\*

### KINH 864. SƠ THIỀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, hay tưởng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú Sơ thiền; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tưởng như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là

<sup>5</sup>. Tha hóa tự tại thiên 他化自在天. Pāli: Paranimmitavasavatti.

bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhảm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhảm chán, xa lìa, phòng hộ, baffle cửa cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư<sup>6</sup>, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 865. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 866. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sự sai biệt:*

“Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn<sup>7</sup>; hoặc không như vậy, thì thủ Sanh Bát-niết-bàn<sup>8</sup>; hoặc không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-

---

<sup>6</sup>. Để bàn: xả ly dư 捨離餘, có thể sót. Nói đủ là: xả nhất thiết hữu duy 捨一切有餘依. Xem kinh 867.

<sup>7</sup>. Trung Bát-niết-bàn 中般涅槃, Pāli: antarāparinibbayaī.

<sup>8</sup>. Sanh Bát-niết-bàn 生般涅槃. Pāli: upabaccaparinibbayaī.

niết-bàn<sup>9</sup>; hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn<sup>10</sup>; hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn<sup>11</sup>. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, do công đức này mà sanh làm Đại Phạm thiên<sup>12</sup>, hoặc sanh về cõi Phạm phụ thiên<sup>13</sup>, hay sanh về cõi Phạm thân thiên<sup>14</sup>.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 867. ĐỆ NHỊ THIỀN THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, mà dứt hữu giác, hữu quán, bên trong thanh tịnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trụ đệ Nhị thiền; hoặc nhớ nghĩ không hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy; mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức tư duy như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này tâm sẽ sanh ra nhảm chán, xa lìa, sợ hãi, phòng hộ. Do nhảm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng pháp giới cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

<sup>9</sup>. Hữu hành Bát-niết-bàn 有行般涅槃 . Pāli: sasaikkhāraparinibbaya (tổn hại Bát-niết-bàn).

<sup>10</sup>. Vô hành Bát-niết-bàn 無行般涅槃 . Pāli: asaikkhāraparinibbaya.

<sup>11</sup>. Thượng lưu Bát-niết-bàn 上流般涅槃 . Pāli: uddhamasoto hoti akanīṭṭha-gāmā (thượng lưu cứu cánh).

<sup>12</sup>. Đại Phạm thiên 大梵天 . Pāli: Mahābrahmā.

<sup>13</sup>. Phạm phụ thiên 梵輔天 . Pāli: Brahmapurohita.

<sup>14</sup>. Phạm thân thiên 梵身天 . Pāli: Brahmakāyikā.

## KINH 868. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Sanh Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn<sup>15</sup>; hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên sanh về cõi trời Tự tánh Quang âm<sup>16</sup>; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Vô lượng quang<sup>17</sup>; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu quang<sup>18</sup>. ”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

## KINH 869. ĐỆ TAM THIỀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, lìa tham hỷ, an trụ xả, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nhân nói là xả, với niệm, an trú lạc, chứng và an trú đệ Tam thiền. Nếu không như vậy, mà với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, đối với các pháp sắc<sup>19</sup>, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,... cho đến

<sup>15.</sup> Vô hành Bát-niết-bàn 無 行 般 涅槃. Pāli: asaṅkhāraparinibbaya.

<sup>16.</sup> Tự tánh quang âm thiên 自 性 光 陰 天. Pāli: Ābhassara.

<sup>17.</sup> Vô lượng quang thiên 無 量 光 天. Pāli: Appamāṇābhā.

<sup>18.</sup> Thiểu quang thiên 少 光 天. Pāli: Parittābhā.

<sup>19.</sup> Nguyên bản không có chữ sắc, y các bản Tống-Nguyễn-Minh bổ túc.

Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, do dục pháp, niêm pháp, lạc pháp, nên sanh về cõi trời Biến tịnh<sup>20</sup>; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Vô lượng tịnh<sup>21</sup>; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu tịnh<sup>22</sup>."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 870. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy lìa khổ dứt lạc, ưu hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, xả, tịnh niêm<sup>23</sup>, nhất tâm, chứng và an trụ đệ Tứ thiền. Nếu không nhớ nghĩ như vậy, mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,... cho đến Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, thì sanh về cõi trời Nhân tánh Quả thật<sup>24</sup>; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Phước sanh<sup>25</sup>; hoặc không như vậy, thì sanh về cõi trời Thiểu phước<sup>26</sup>."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Tứ thiền, Bốn vô sắc định cũng được nói như vậy.*

\*\*  
\*

<sup>20</sup>. Biến tịnh thiên 遍淨天 . Pāli: Subhakiṇṇā.

<sup>21</sup>. Vô lượng tịnh thiên 無量淨天 . Pāli: Appamāṇasubha.

<sup>22</sup>. Thiểu tịnh thiên 少淨天 . Pāli: Parittasubha.

<sup>23</sup>. Tịnh niêm 淨念 , hay nội đẳng tịnh, hay nội tịnh. Xem Câu-xá, T.29, tr.146c.

<sup>24</sup>. Nhân tánh Quả thật thiên 因性果實天 . Pāli: Vehapphala (Quảng quả thiên).

<sup>25</sup>. Phước sanh thiên 福生天 . Pāli: Puññapasavana.

<sup>26</sup>. Thiểu phước thiên 少福天 , tức Vô vân thiên 無雲天 (Pāli: anabbhaka). Xem Câu-xá, T.29, tr.41a.

## KINH 871. PHONG VÂN THIỀN<sup>27</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có vị Phong vân thiên<sup>28</sup> nghĩ như vậy: ‘Hôm nay ta muốn dùng thần lực, đạo chơi.’ Khi nghĩ như vậy thì mây gió liền nổi lên. Cũng vậy, như Phong vân thiên; Diệm điện thiên, Lôi chấn thiên, Vũ thiên, Tinh thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên<sup>29</sup> cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Nói như vậy, có Tỳ-kheo hỏi Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo, cũng được nói như vậy.<sup>30</sup>*

\*\*  
\*

## KINH 872. TÁN CÁI PHÚ ĐĂNG<sup>31</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, trời mưa nhỏ, có chớp lóe chiếu sáng. Phật bảo A-nan:

“Ông hãy lấy dù che đèn mang ra ngoài.”

Tôn giả A-nan liền vâng lời lấy dù che đèn, đi theo sau Phật. Đến một nơi, Thế Tôn bỗng mỉm cười. Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

<sup>27</sup>. Pāli, S. 32.1. Desanā.

<sup>28</sup>. Phong vân thiên 風雲天. Pāli: valāhakāyika deva (Vân thiên, trời mây).

<sup>29</sup>. Diệm điện thiên, Lôi chấn thiên, Vũ thiên, Tinh thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên 煙電天, 雷震天, 雨天, 晴天, 寒天, 热天. Tham chiếu Pāli, S. 32.53. Sitavalāhaka, Hàn vân thiên, trời lạnh; 54. Uṇhavalāhaka, Nhiệt vân thiên, trời nóng; 55. Abhavalāhaka, Ám vân thiên, trời tối; 56. Vātavalāhaka, Phong vân thiên, trời gió; 57. Vassavalāhaka, trời mưa.

<sup>30</sup>. Tóm tắt có hai mươi kinh (theo Ấn Thuận).

<sup>31</sup>. Cây lọng che đèn.

“Thế Tôn không khi nào cười mà không có nguyên nhân. Không rõ hôm nay Thế Tôn vì lý do gì mà mỉm cười?”

Phật bảo A-nan:

“Đúng vậy, đúng vậy! Như Lai cười không phải là không có lý do. Hôm nay khi ông cầm dù che đèn đi theo Ta, thì Ta thấy Phạm thiên cũng lại như vậy, cầm dù che đèn đi theo sau Tỳ-kheo Câu-lân<sup>32</sup>; Thích Đề-hoàn Nhân<sup>33</sup> cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Ca-diếp; Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la<sup>34</sup> Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Xá-lợi-phất; Tỳ-lâu-lặc-ca<sup>35</sup> Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Đại Mục-kiền-liên; Tỳ-lâu-bặc-xoa<sup>36</sup> Thiên vương cũng cầm dù đi theo sau Ma-ha Câu-hy-la; Tỳ-sa-môn<sup>37</sup> Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Kiếp-tân-na.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 873. TỨ CHỨNG ĐIỀU PHỤC<sup>38</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chúng được điều phục thiện hảo. Những gì là bốn? Đó là Tỳ-kheo được điều phục, Tỳ-kheo-ni được điều phục, Ưu-bà-tắc được điều phục, Ưu-bà-di được điều phục. Đó gọi là bốn chúng.”

<sup>32</sup>. Câu-lân Tỳ-kheo 拘隣比丘, tức Kiều-trần-như 僑陳如. Pāli: Aññā-Koṇḍañña.

<sup>33</sup>. Thích Đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Pāli: Sakko devānam Indo.

<sup>34</sup>. Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la 秩栗帝羅色吒羅, tức Đê-dầu-lại-tra. Pāli: Dhatarattha, Trì Quốc Thiên vương.

<sup>35</sup>. Tỳ-lâu-lặc-ca 毘樓勒迦. Pāli: Virūlhaka, Tăng Trưởng Thiên vương.

<sup>36</sup>. Tỳ-lâu-bặc-xoa 毘樓匐叉. Pāli: Virūpakka, Quảng Mục Thiên vương.

<sup>37</sup>. Tỳ-sa-môn 毘沙門. Pāli: Vessavaṇa, Đa Văn Thiên vương.

<sup>38</sup>. Án Thuận Hội Biên, “38. Tương ưng Tu chứng” gồm bảy mươi kinh. (Đại Chánh mươi chín kinh, 873-891). Kinh 873, Bốn loại huấn luyện. Pāli, A. 4.7. Sobheti; Cf. N°125(27.7).

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu biện tài<sup>39</sup>, vô úy<sup>40</sup>,  
 Đa văn, thông đạt pháp;  
 Hành pháp thứ pháp hướng<sup>41</sup>,  
 Thì đó là thiện chúng.  
 Tỳ-kheo giữ tịnh giới,  
 Tỳ-kheo-ni đa văn;  
 Uu-bà-tắc tịnh tín,  
 Uu-bà-di cũng vậy.  
 Đó gọi là thiện chúng,  
 Như mặt trời tự chiếu;  
 Tăng thiện hảo cũng vậy,  
 Đó là hảo trong Tăng.  
 Pháp này khiến Tăng hảo<sup>42</sup>,  
 Như mặt trời tự chiếu.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*"Như điều phục. Cũng vậy, biện tài, nhu hòa, vô úy, đa văn, thông đạt pháp, nói pháp, pháp thứ pháp hướng, tùy thuận pháp hành cũng nói như vậy."*<sup>43</sup>

\*\*

#### KINH 874. TAM CHỦNG TỬ<sup>44</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vé. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

<sup>39</sup>. Tài biện 才 辩. Bản Pāli: viyatta, có năng lực, thông minh.

<sup>40</sup>. Vô úy 無 畏, tức vô sở úy. Pāli: visārada, tự tin, không do dự.

<sup>41</sup>. Hành pháp thứ pháp hướng 行 法 次 法 向. Pāli: dhammassa hoti anudhammacāri, là người thực hành tùy pháp của pháp.

<sup>42</sup>. Tăng hảo 增 好, Tăng trung hảo 增 中 好, thiện chúng 善 衆. Pāli: saṅghasobhaṇa, sự tỏa sáng giữa Tăng.

<sup>43</sup>. Tóm tắt có tám kinh.

<sup>44</sup>. Cf. Pāli, It. 74. Putta.

“Có ba loại con. Những gì là ba? Con tùy sanh<sup>45</sup>, con thắng sanh<sup>46</sup>, con hạ sanh<sup>47</sup>.

“Thế nào là con tùy sanh? Cha mẹ của con không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thì con cũng học theo không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con tùy sanh.

“Thế nào là con thắng sanh? Cha mẹ của con không thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại lanh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là người con thắng sanh.

“Thế nào là con hạ sanh? Cha mẹ của con chịu lanh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại không lanh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con hạ sanh.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tùy sanh và thượng sanh,  
 Cha có trí đều mong.  
 Hạ sanh, người không cần,  
 Vì không thể kế nghiệp.  
 Phép làm người của con,  
 Là làm Uu-bà-tắc;  
 Đối Phật, Pháp, Tăng bảo,  
 Cân tu tâm thanh tịnh.  
 Mây tan ánh trăng hiện,  
 Vẻ vang dòng quyến thuộc.*

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*“Như Năm giới. Cũng vậy, kinh Tín, Giới, Thi, Văn, Tuệ cũng nói như vậy.”*

\*\*

<sup>45</sup>. Tùy sanh tử 隋 生 子. Pāli: anujāta, (con) giống cha; bằng cha.

<sup>46</sup>. Thắng sanh tử 勝 生 子. hay ưu sanh. Pāli: atijāta, con giỏi hơn cha.

<sup>47</sup>. Hạ sanh tử 下 生 子. Pāli: avajāta, con thấp kém.

## KINH 875. TỨ CHÁNH ĐOẠN (1)<sup>48</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Chánh đoạn<sup>49</sup>. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn<sup>50</sup>. ”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

## KINH 876. TỨ CHÁNH ĐOẠN (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Chánh đoạn<sup>51</sup>. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn<sup>52</sup>. ”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đoạn đoạn và luật nghi,  
Tùy hộ cùng tu tập;  
Như bốn Chánh đoạn này,  
Chư Phật đều đã dạy.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>48</sup>. Tham chiếu, S. 49.1-12. Gaṅgā-peyyāla.

<sup>49</sup>. Chánh đoạn 正斷. Pāli: sammappadhbāna, chánh cần. Bản Hán đọc, pahāna: đoạn, thay vì padhbāna: tinh cần. Cf. D. 33. Saṅgīti, có bốn sammapadhbānā (bốn chánh cần) và bốn padhbānāni (bốn tinh cần) khác nhau.

<sup>50</sup>. Xem giải thích kinh 877.

<sup>51</sup>. Xem cht.49, kinh 875.

<sup>52</sup>. Xem giải thích kinh 877.

### KINH 877. TỨ CHÁNH ĐOẠN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”

“Thế nào là đoạn đoạn<sup>53</sup>? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục<sup>54</sup>, phương tiện<sup>55</sup>, tinh cần<sup>56</sup>, nghiệp tâm gìn giữ<sup>57</sup>. Đó gọi là đoạn đoạn<sup>58</sup>.

“Thế nào là luật nghi đoạn<sup>59</sup>? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn<sup>60</sup>.

“Thế nào là tùy hộ đoạn<sup>61</sup>? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn<sup>62</sup>.

“Thế nào là tu đoạn<sup>63</sup>? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm

<sup>53.</sup> Đoạn 斷. Pāli: pahāna-padhāna, tinh cần để đoạn trừ.

<sup>54.</sup> Sanh dục 生 欲; Pāli: chandaṃ janeti, sanh khởi ý muốn, ý chí.

<sup>55.</sup> Phương tiện 方 便, ở đây được hiểu là nỗ lực, không phải phương tiện thiện xảo. Pāli: vāyamati, vị ấy nỗ lực.

<sup>56.</sup> Tinh cần 精 勤, tức tinh tấn. Pāli: viriyam ārabhati.

<sup>57.</sup> Nghiệp thọ 摄 受. Pāli: citam paggaṇhāti padahati, giữ chặt tâm và sách tiến tâm.

<sup>58.</sup> Đây gọi là bốn chánh cần, Pāli: cattāro sammappadhānā; xem cht.47, kinh 875. Tham chiếu, D. 33. Saṅgīti: katamañc'āvuso pahāna-padhānam? Idh' āvuso bhikkhu uppannañ kāma-vitakkam nādhivāseti pajahati vinodeti..., ở đây, Tỳ-kheo, dục tâm đã khởi, không thừa nhận nó, đoạn trừ nó, tiêu diệt nó.

<sup>59.</sup> Luật nghi đoạn 律 儀 斷. Pāli: samvara-padhāna, tinh cần phòng hộ (chế ngự).

<sup>60.</sup> Tham chiếu, D.33: katamañ c' āvuso samvara-padhānam: Id 'āvuso bhikkhu cakkhunā rūpañ disvā na nimittaggāhi hoti..., Thế nào là tinh cần phòng hộ? Tỳ-kheo sau khi thấy sắc bởi mắt, không chấp thủ tướng...

<sup>61.</sup> Tùy hộ đoạn 隨 護 斷. Pāli: anurakkhaṇā-padhāna, tinh cần thủ hộ.

<sup>62.</sup> Cf. D.33: katamañ c' āvuso anurakkhaṇa-padhānam? Id' āvuso bhikkhu uppannañ bhaddam samādhi-nimittam anurakkahti... Thế nào là tinh cần thủ hộ? Tỳ-kheo thủ hộ định tướng (dấu hiệu của định) tốt đẹp đã khởi lên...

<sup>63.</sup> Tu đoạn 修 斷. Pāli: bhāvana-padhāna, tinh cần tu tập.

ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn<sup>64</sup>."

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 878. TỨ CHÁNH ĐOẠN (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

"Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

"Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.

"Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

"Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn."

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đoạn đoạn và luật nghi,  
Tùy hộ cùng tu tập;  
Như bốn Chánh đoạn này,  
Chư Phật đều đã dạy.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

---

<sup>64</sup>. Cf. D.33: (...) Idh' āvuso bhikkhu sati-saṃbojjhaṅgam bhāveti..., ở đây, Tỳ-kheo tu tập niệm giác chi...

## KINH 879. TỨ CHÁNH ĐOẠN (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”

“Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ; pháp ác bất thiện chưa khởi, thì không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ; pháp thiện chưa sanh, thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ; pháp thiện đã sanh, thì khiến cho tu tập thêm lợi ích, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nghiệp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

“Thế nào là luật nghi đoạn? Tỳ-kheo khéo phòng hộ căn con mắt, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Cũng vậy, đối với các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khéo phòng hộ, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Đó gọi là luật nghi đoạn<sup>65</sup>.

“Thế nào là tùy hộ đoạn? Tỳ-kheo đối với mỗi một tướng tam-muội-chân thật, như tướng xanh bầm, tướng sinh chướng, tướng mưng mủ, tướng hoại, tướng thú ăn chưa sạch mà khéo bảo vệ hộ trì, tu tập, giữ gìn, không khiến cho sút giảm. Đó gọi là tùy hộ đoạn<sup>66</sup>.

“Thế nào là tu đoạn? Tỳ-kheo nào tu tập bốn Niệm xứ, thì đó gọi là tu đoạn<sup>67</sup>. ”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đoạn đoạn, luật nghi đoạn,  
Tùy hộ, tu tập đoạn;  
Bốn thứ chánh đoạn này,  
Những gì Chánh Giác nói.  
Tỳ-kheo siêng phương tiện,  
Các lậu sẽ sạch hết.*

<sup>65.</sup> Xem cht.60, kinh 877.

<sup>66.</sup> Xem cht.62, kinh 877.

<sup>67.</sup> Xem cht.64, kinh 877.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*“Như bốn Niệm xứ. Cũng vậy, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, Tám đạo chi, Bốn đạo, Bốn pháp cú, Chánh quán tu tập cũng nói như vậy.”<sup>68</sup>*

\*\*

### KINH 880. BẤT PHÓNG DẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người tạo dựng công trình nơi thế gian, tất cả đều y cứ vào đất. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập pháp thiền, tất cả cũng đều y cứ vào không buông lung để làm căn bản, lấy không buông lung<sup>69</sup> làm tập khởi, lấy không buông lung làm sanh khởi, lấy không buông lung làm chuyển khởi. Tỳ-kheo nào không buông lung thì có khả năng tu tập bốn thiền.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 881. ĐOẠN TAM

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

*Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.*

“Tỳ-kheo như vậy có khả năng đoạn tham dục, sân khuế, ngu si.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

<sup>68.</sup> Tóm tắt có chín kinh.

<sup>69.</sup> Bất phóng dật 不 放 逸. Pāli: appamāda.

*“Như đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si. Cũng vậy, điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si và sự rốt ráo đoạn tham dục, rốt ráo đoạn sân nhuế, ngu si, xuất yếu, viễn ly, Niết-bàn cũng nói như vậy.”<sup>70</sup>*

\*\*  
\*

### KINH 882. BẤT PHÓNG DẬT CĂN BẢN<sup>71</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như trăm thứ cây, cỏ, thảo được đều nương vào đất mà được sanh trưởng. Cũng vậy, tất cả các pháp thiện đều y cứ vào không buông lung làm gốc. Như đã nói ở trên... cho đến Niết-bàn.

“Thí như hương hắc trầm thủy là loại hương trên các loại hương. Cũng vậy, trong các loại thiện pháp, không buông lung là trên hết.

“Thí như trong các loại hương lâu bền, xích chiên-đàn là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. Như vậy... cho đến Niết-bàn.

“Thí như các loài hoa sống ở dưới nước và trên đất, hoa ưu-bát-la là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản,... cho đến Niết-bàn.

“Thí như hoa sanh sống từ đất, hoa ma-lợi-sa là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản cho chúng,... cho đến Niết-bàn.

“Này các Tỳ-kheo, thí như trong tất cả các dấu chân của loài thú, dấu chân voi là hơn hết. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là pháp căn bản hơn cả. Như đã nói ở trên,... cho đến Niết-bàn.

“Thí như trong tất cả các loài thú, sư tử là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài thú. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. Như đã nói ở trên,... cho đến Niết-bàn.

<sup>70</sup>. Tóm tắt có năm kinh.

<sup>71</sup>. Pāli, S. 49.13-22. Appamāda-vagga.

“Thí như tất cả nhà cửa lầu các, cái nóc là trên hết. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

“Thí như trong tất cả các thứ quả trong cõi Diêm-phù, chỉ có quả tên là diêm-phù là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

“Thí như trong tất cả các loại cây như cây câu-tỳ-dà-la<sup>72</sup>, cây tát-bà-da chỉ-la-câu-tỳ-dà-la là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các núi, Tu-di sơn là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loại vàng, vàng Diêm-phù-đề là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loại vải, vải lông mịn già-thi<sup>73</sup> là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loại màu, màu trắng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loài chim, Kim-sí điểu<sup>74</sup> là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài súc sanh. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các vua, Chuyển luân Thánh vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các Thiên vương, Tứ Đại Thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn

<sup>72</sup>. Câu-tỳ-dà-la 俱毘陀羅. Pāli: koviṭāra, một loại hắc đàm, hay trầm đen.

<sup>73</sup>. Già-thi 伽尸. Pāli: Kāsi, địa danh, một trong mười sáu vương quốc lớn thời Phật, nơi sản xuất vải danh tiếng.

<sup>74</sup>. Kim sí điểu 金翅鳥, chim cánh vàng. Pāli: garuḍa.

bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các trời Tam thập tam, Đế Thích là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Diệm-ma thiên, Tú-diệm-ma thiên vương<sup>75</sup> là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Đâu-suất-dà thiên, Đâu-suất-dà thiên vương<sup>76</sup> là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Hóa lạc thiên, Thiện Hóa lạc thiên vương<sup>77</sup> là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Tha hóa tự tại thiên, Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử<sup>78</sup> là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Phạm thiên, Đại Phạm thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. *Như vậy... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như tất cả các dòng sông ở Diêm-phù-đề đều xuôi về biển lớn, biển lớn là bậc nhất, vì nó dung chứa tất cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều thuận dòng với không buông lung. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như tất cả nước mưa đều đổ về biển cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều xuôi dòng về biển không buông lung. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các hồ nước<sup>79</sup>, hồ A-nậu-đại<sup>80</sup> là bậc nhất.

<sup>75</sup> Tú-diệm-ma Thiên vương 宿焰天王. Pāli: Suyāma-devarājā.

<sup>76</sup> Đâu-suất-dà Thiên vương 兜率陀天王. Pāli: Tusita-devarājā.

<sup>77</sup> Thiện Hóa lạc Thiên vương 善化樂天王. Pāli: Sunimmita-devarājā.

<sup>78</sup> Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử 善他化自在天子. Pāli: Suparanimitta-vasavatta-devaputta.

<sup>79</sup> Nguyên Hán: tát-la 薩羅. Pāli: sara, hồ, ao.

<sup>80</sup> Nguyên Hán: A-nậu-đại tát-la 阿耨大薩羅. Pāli: Anotatta-sara.

Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các sông ở Diêm-phù-đề, có bốn con sông lớn là bậc nhất đó là: sông Hằng, Tân-dầu, Bác-xoa và Tư-đà<sup>81</sup>. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong ánh sáng của các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các chúng sanh có thân lớn, La-hầu-la A-tu-la<sup>82</sup> là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các hạng hưởng thụ năm dục, Đảnh Sanh vương<sup>83</sup> là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các thần lực ở cõi Dục, Thiên ma Ba-tuần là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng, Như Lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, lìa tham dục là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các pháp chúng, chúng của Như Lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiêng, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

<sup>81</sup>. Các sông lớn: Hằng hà 恒 河, Tân-dầu 新 頭, Bác-xoa 博 叉, Tư-đà 司 陀. Pāli, theo thứ tự: Gaṅgā, Sindhū, Vaggu (?), Sīdā (?).

<sup>82</sup>. La-hầu-la A-tu-la 罗 喉 罗 阿 修 罗. Pāli: Rāhu-asurinda.

<sup>83</sup>. Đảnh Sanh vương 頂 生 王. Pāli: Muddhāvasitta-rājā.

“Thí như trong tất cả các giới, khổ hạnh, phạm hạnh; Thánh giới<sup>84</sup> là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 883. TỨ CHỦNG THIỀN<sup>85</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thiền<sup>86</sup>. Có loại thiền, tam-muội thiện<sup>87</sup>, nhưng chẳng phải chánh thọ thiện<sup>88</sup>; có loại thiền, chánh thọ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội thiện; có loại thiền tam-muội thiện, mà chánh thọ cũng lại thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội thiện và cũng chẳng phải chánh thọ thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, trụ tam-muội thiện, nhưng chẳng phải trụ chánh thọ thiện<sup>89</sup>; có loại thiền, trụ chánh thọ thiện, nhưng chẳng phải trụ tam-muội thiện; có loại thiền, trụ tam-muội thiện, nhưng cũng trụ chánh thọ thiện; có loại thiền, chẳng phải trụ tam-muội thiện, mà cũng chẳng phải trụ chánh thọ thiện.

<sup>84</sup>. Thánh giới 聖 戒. Pāli: ariya-dhātu (?).

<sup>85</sup>. Pāli, S. 34. Jhānasamyutta.

<sup>86</sup>. Tứ chủng thiền 四 種 禪. Pāli: cattāto jhāyi, bốn hạng thiền già.

<sup>87</sup>. Tam-muội thiện 三昧善. Pāli (S.34.1): samādhismim samādhikusalō, thiện xảo về định trong khi định. Giải thích của Aṭṭhakathā: thiện xảo phân biệt thiền chỉ trong các thiền.

<sup>88</sup>. Phi chánh thọ thiện 非 正 受 善. Pāli: na samādhismim samāpattikusalō, không thiện xảo về sự chứng nhập (*đảng chi*) trong định. Aṭṭhakathā giải thích: sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, tâm thích ứng, nhưng không thể chứng nhập thiền.

<sup>89</sup>. Trụ tam-muội thiện phi trụ chánh thọ thiện 住 三昧善 非 住 正 受 善. Pāli (S.34.2): samādhismim samādhikusalō na samādhismim ṭhitikusalō, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo trụ lâu trong định.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội khởi thiện<sup>90</sup>, nhưng chẳng phải chánh thọ khởi thiện; có loại thiền, chánh thọ khởi thiện, nhưng chẳng phải tam-muội khởi thiện; có loại thiền, tam-muội khởi thiện và chánh thọ cũng khởi thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội khởi thiện và cũng chẳng phải chánh thọ khởi thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, thiện đối với thời của tam-muội, nhưng không phải thiện đối với thời của chánh thọ thiện<sup>91</sup>; có loại thiền, thiện đối với thời của chánh thọ thiện, nhưng không phải thiện đối với thời của tam-muội; có loại thiền, thiện đối với thời của tam-muội thiện, cũng thiện đối với thời của chánh thọ thiện; có loại thiền, chẳng phải thiện đối với thời của tam-muội, cũng chẳng phải thiện đối với thời của chánh thọ.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội xứ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xứ thiện<sup>92</sup>; có loại thiền, chánh thọ xứ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xứ thiện; có loại thiền, tam-muội xứ thiện, chánh thọ cũng xứ thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội xứ thiện, cũng chẳng phải chánh thọ xứ thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội nghinh thiện<sup>93</sup>, nhưng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện; có loại thiền, chánh thọ nghinh thiện, nhưng chẳng phải tam-muội nghinh cũng thiện; có loại thiền, tam-muội nghinh thiện, chánh thọ nghinh thiện; có loại thiền

<sup>90</sup> Hán: phi chánh thọ khởi thiện 非 正 受 起 善. Pāli (S.34.3): na samādhismim vuṭṭhanākusalo, không thiện xảo để xuất định.

<sup>91</sup>. Tam-muội thời thiện phi chánh thọ thời thiện 三昧 時 善 非 正 受 時 善. Pāli (S.34.4): samādhismim samādhikusalo na samādhismim kallitakusalo, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo thích ứng trong định. Aṭṭhakathà giải thích: na samādhismim kallitakusalo'ti cittam hāsetvā nā kallaṃ kātum akusalo, không thiện xảo thích ứng trong định, nghĩa là, sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, nhưng không thiện xảo khiến tâm thích ứng. Bản Hán đọc kāla: thời gian, thay vì kalla; thích ứng (cũng được hiểu là an lạc).

<sup>92</sup>. Phi chánh thọ xứ thiện 非 正 受 處 善. Pāli (S.34.6): na samādhismim gocarakusalo, không thiện xảo về cảnh giới sở hành trong định.

<sup>93</sup>. Pāli (S.34.8): Samādhismim sakkaccakārī hoti, có sự nhiệt hành trong định. Sớ giải: jhānam appetum sakkaccakārī hoti, có sự nhiệt hành để đột tiến trong định. Bản Hán hiểu sakkaccakārī là “cung kính tác lỗ (= nghinh)”.

chẳng phải tam-muội nghinh thiện và cũng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội niêm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niêm thiện; có loại thiền, chánh thọ niêm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niêm thiện; có loại thiền, tam-muội niêm thiện, chánh thọ niêm cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội niêm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niêm thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội niêm bất niêm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niêm bất niêm thiện; có loại thiền, chánh thọ niêm bất niêm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niêm bất niêm thiện; có loại thiền, tam-muội niêm bất niêm thiện, nhưng chánh thọ niêm bất niêm cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội niêm bất niêm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niêm bất niêm thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội đến thì thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ đến<sup>94</sup> thì thiện; có loại thiền, chánh thọ đến thì thiện, nhưng tam-muội đến thì không thiện; có loại thiền, tam-muội đến thì thiện, chánh thọ đến thì cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội đến thiện và cũng chẳng phải chánh thọ đến thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác thì không thiện; có loại thiền, chánh thọ ác thì thiện, tam-muội ác thì không thiện<sup>95</sup>; có loại thiền, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác cũng thiện; có loại thiền, chẳng phải tam-muội ác thiện và cũng chẳng phải chánh thọ ác thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội phương tiện thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện; có loại thiền chánh thọ phương tiện thiện, nhưng chẳng phải tam-muội phương tiện thiện; có loại thiền tam-muội phương tiện thiện và chánh thọ cũng

<sup>94</sup>. Hán: chánh thọ lai 正受來. Pāli (S.34.7): na samādhismim abhinñharakusalo, không thiện xảo về sự dẫn phát trong định. Sớ giải: kammatñhānam visesa bhāgiyatāya abhinñharitum akusalo, không thiện xảo để dẫn phát để mục thiền định thăng tiến.

<sup>95</sup>. Hán: phi tam-muội ác thiện 非三昧惡善. Cf. có lẽ Pāli (S.34.10): samādhismim samādhikusalo hoti na samādhismim sappayakāri, có thiện xảo định trong định nhưng không làm tăng ích trong định.

phương tiện thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội phương tiện thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội chỉ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện; có loại thiền chánh thọ chỉ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội chỉ thiện; có loại thiền tam-muội chỉ thiện, chánh thọ cũng chỉ thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội chỉ thiện và cũng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội cử thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ cử thiện; có loại thiền chánh thọ cử thiện, nhưng chẳng phải tam-muội cử thiện; có loại thiền tam-muội cử thiện và chánh thọ cũng cử thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội cử thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ cử thiện.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền tam-muội xả thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xả thiện; có loại thiền chánh thọ xả thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xả thiện; có loại thiền tam-muội xả thiện, thì chánh thọ cũng xả thiện; có loại thiền chẳng phải tam-muội xả thiện và cũng chẳng phải chánh thọ xả thiện<sup>96</sup>. ”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 884. VÔ HỌC TAM MINH (1)<sup>97</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc Vô học có ba minh<sup>98</sup>. Những gì là ba? Là Trí túc mạng chứng thông của bậc Vô học, Trí sanh tử chứng thông của bậc Vô học, Trí lậu tận chứng thông của bậc Vô học.”

<sup>96</sup>. Nhiều đoạn không xác định được Pāli tương đương.

<sup>97</sup>. Pāli, A. 3.58. Tīkanṇa.

<sup>98</sup>. Pāli: aññathākho, brāhmaṇa, brāhmaṇā brahmaṇam tevijjam paññapenti, aññathā ca pana ariyassa vinaye tevijo hoti ti, ba minh trong Thánh pháp luật khác với ba minh của Bà-la-môn được các Bà-la-môn chủ trương. Xem kinh 886 ở sau.

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Quán sát biết kiếp trước,  
Thấy trời sanh đường ác.  
Các lậu sanh tử hết,  
Là Minh của Mâu-ni.  
Tâm ấy được giải thoát  
Tất cả những tham ái;  
Ba nơi đều thông suốt,  
Nên gọi là Ba minh."*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 885. VÔ HỌC TAM MINH (2)<sup>99</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

“Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.’ Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

“Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thương sá, hả sá, theo nghiệp mà họ sanh

<sup>99</sup>. Pāli, A. 3.58. Tīkaṇṇa; 3.59. Jāṇussoṇi.

vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

“Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Vì ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh.”

Sau đó, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Quán sát biết đời trước,  
Thấy trời sanh đường ác.  
Các lậu sanh tử hết,  
Là Minh của Mâu-ni.  
Tâm ấy được giải thoát  
Tất cả những tham ái;  
Ba nơi đều thông suốt,  
Nên gọi là Ba minh.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\* \* \*

## KINH 886. TAM MINH<sup>100</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn<sup>101</sup> đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn,

---

<sup>100</sup>. Pāli, A. 3.58. Tikaṇṇa.

<sup>101</sup>. Bản Pāli: tikaṇo brāhmaṇo, Bà-la-môn Tikaṇiaa (ba lỗ tai).

sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên và nói:

“Đây là ba minh của Bà-la-môn<sup>102</sup>! Đây là ba minh của Bà-la-môn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn rằng:

“Thế nào gọi là ba minh của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-dàm, cha mẹ Bà-la-môn đầy đủ các tướng<sup>103</sup>, không có các tì vết<sup>104</sup>; cha mẹ bảy đời truyền thừa mà không bị chê bai; đời đời kế thừa nhau, luôn làm sư trưởng, biện tài đầy đủ; đọc tụng các kinh điển, danh tự của loại vật, phẩm loại sai biệt của vạn vật; lịch sử cổ kim<sup>105</sup>, năm thứ ký này<sup>106</sup>, tất cả đều được thông suốt; dung sắc đoan chánh. Thưa Cù-dàm, đó gọi là ba minh của Bà-la-môn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không lấy ngôn thuyết, danh tự làm ba minh. Pháp môn của Hiền thánh nói ba minh chân thật<sup>107</sup> là tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh. Đó là ba minh chân thật.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Như thế nào, thưa Cù-dàm, nói tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh là ba minh?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có ba loại ba minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Túc mạng chứng trí minh của bậc Vô học, sanh tử chứng trí minh của bậc Vô học, lậu tận chứng trí minh của bậc Vô học.”

*Như đã nói đầy đủ ở kinh trên.*

<sup>102</sup>. Pāli: tevijjā brāhmaṇā.

<sup>103</sup>. Hán: phụ mẫu cụ tướng 婦母具相. Pāli: ubho sujāto mātito ca pitito ca, dòng dõi cha mẹ đều thiện (thuần chủng).

<sup>104</sup>. Hán: vô chư hả uế 無諸瑕穢. Pāli: akkhitto, không lai tạp.

<sup>105</sup>. Hán: lịch thế bản mạt 歷世本末. Pāli: itihāsa, truyện cổ.

<sup>106</sup>. Hán: thử ngũ chủng ký 此五種記, có thể sai. Pāli: (itihāsa) pañcamānam, thử năm là truyện cổ. Bốn môn trước: tiṇṇam vedānam: ba tập Veda, nighaṇṭu: ngữ vựng (Hán: vật loại danh tự), ketubha: sách nghi lễ (Hán: vạn vật phẩm sai?), akkharabhedha: phân tích âm vận (Hán: tự loại phân hiệp).

<sup>107</sup>. Bản Cao-ly: chân yếu 真要.

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tất cả pháp vô thường,  
Trì giới, thiền vắng lặng;  
Biết tất cả đời trước,  
Đã sanh trời, đường ác.  
Lại hết, đoạn được sanh,  
Là thông của Mâu-ni.  
Biết được tâm giải thoát  
Tất cả tham, nhuế, si.  
Ta nói là ba minh,  
Chẳng do ngôn ngữ nói.*

“Này Bà-la-môn, đó là ba minh theo pháp luật của bậc Thánh đã nói.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đó là ba minh chân thật!”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

\*\*  
\*

### KINH 887. TÍN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gấp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, con tên là Tín.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tín có nghĩa là tin vào tăng thượng giới, vào bố thí, đa văn, huệ xả, trí tuệ. Đó gọi là Tín, chứ không phải tín chỉ là một danh tự suông.”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

\*\*  
\*

## KINH 888. TĂNG ÍCH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, con tên là Tăng Ích.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tăng Ích có nghĩa là tăng ích cho tín; tăng ích cho giới, đa văn, huệ xả và trí tuệ. Đó là Tăng Ích, chứ không phải tăng ích chỉ là một danh tự suông.”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

\*\*  
\*

## KINH 889. ĐẮNG KHỞI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Con tên là Đắng Khởi.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Đắng khởi<sup>108</sup> có nghĩa là làm phát khởi tín, phát khởi giới, đa văn, huệ xả và trí tuệ. Đó là Đắng khởi, chứ không phải đắng khởi chỉ là một danh tự suông.”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

\*\*

<sup>108</sup>. Đắng khởi 等 起; Pāli: samutthāna, sự xuất hiện, nguyên khởi nguyên động lực làm phát khởi.

## KINH 890. VÔ VI PHÁP<sup>109</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ vì các ông nói về pháp Vô vi cùng đạo tích vô vi<sup>110</sup>, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Thế nào là pháp Vô vi? Tham dục vĩnh viễn chấm dứt; sân nhuế, ngu si vĩnh viễn chấm dứt; tất cả phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Đó gọi là pháp Vô vi.

“Thế nào là Đạo tích vô vi? Tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Đạo tích vô vi.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*“Như Vô vi, cũng vậy nan kiến, bất động, bất khuất, bất tử, vô lậu, phú ấm, châu chư, tế độ, y chỉ, ủng hộ, bất lưu chuyển, ly xí diệt, ly thiêu nhiên, lưu thông, thanh lương, vi diệu, an ổn, vô bệnh, vô sở hữu, Niết-bàn, cũng nói như vậy.”<sup>111</sup>*

\*\*  
\*

## KINH 891. MAO ĐOAN<sup>112</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như ao hồ dài rộng năm mươi do-tuần; chiều sâu cũng như vậy. Nếu có người dùng đầu một sợi lông nhúng vào nước hồ này, thì này Tỳ-kheo, thế nào, nước trong hồ này nhiều hơn hay là một chút nước dính trên đầu sợi lông nhiều?”

<sup>109.</sup> Pāli, S. 43.11-43. Maggena, v.v...

<sup>110.</sup> Vô vi đạo tích 無 為 道 跡. Pāli: asaṅkhatagāmimagga, con đường dẫn đến vô vi.

<sup>111.</sup> Tóm tắt, tóm kinh.

<sup>112.</sup> Trên đầu sợi lông. Pāli, S. 13. Abhisamayasamyutta.

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước dính trên đầu sợi lông người này thì quá ít, so với vô lượng nước hồ gấp ngàn vạn ức thì không thể nào sánh được.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thấy chân đế đầy đủ thì chánh kiến đầy đủ. Đệ tử của Thế Tôn nếu thấy quả chân đế, thánh hiện quán<sup>113</sup>, vị ấy ngay lúc đó đã đoạn, đã biến tri, đã chặt đứt gốc rễ của nó, như cây đa-la đã bị chặt đứt ngọn không thể nào sống lại được. Những khổ đã được đoạn trừ thì nhiều đến vô lượng như nước trong hồ, còn cái khổ sót lại, thì ít như nước dính tên đầu sợi lông.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như giọt nước trên đầu sợi lông, cũng vậy giọt nước dính trên đầu ngọn cỏ cũng như vậy. Như nước trong ao hồ, cũng vậy nước sông Tát-la-đa-tra-già, sông Hằng, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bạt-đè, Ma-hê và biển cả cũng nói như vậy.<sup>114</sup>*

*Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.*

\*\*  
\*

### KINH 892. LỤC NỘI XỨ<sup>115</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãm nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý nội nhập xứ. Đối với sáu pháp này kham nhãm

<sup>113</sup>. Hán: chánh vô gián đẳng 正 無 間 等; xem cht.67 kinh 23.

<sup>114</sup>. Tóm tắt có tám kinh.

<sup>115</sup>. Ấm Thuận Hội Biên, tương ứng 39, “Nhập giới ấm tương ứng”, Đại Chánh kinh 892-901. –Đại Chánh, 892; Pāli: S.25. Okkantasamyuttam.

quán sát thì gọi là tín hành<sup>116</sup>, siêu việt, rời sanh vị<sup>117</sup>, rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-dà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-dà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà kham nhẫn tăng thượng quán sát, thì gọi là pháp hành<sup>118</sup>, siêu việt, rời sanh vị, rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-dà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-dà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà quán sát như thật bằng chánh trí, ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi đã đoạn tận, đã biến tri. Đó gọi là Tu-dà-hoàn, quyết định không bị đọa vào đường ác, mà nhất định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ. Đối với các pháp này mà bằng chánh trí quán sát không khởi lên các lậu, ly dục, giải thoát, thì gọi là A-la-hán, các lậu đã dứt, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh trí tâm giải thoát.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*“Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, Sáu thức thân, Sáu xúc thân, Sáu thọ thân, Sáu tưởng thân, Sáu tự thân, Sáu ái thân, Sáu giới thân, Năm ấm cũng nói như trên.”<sup>119</sup>*

\*\*  
\*

### KINH 893. NGŪ CHỦNG CHỦNG TỬ<sup>120</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm loại hạt giống sanh. Những gì là năm? Đó là hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ cành, hạt giống từ đốt, hạt giống

<sup>116</sup>. Tín hành 信 行, tức tùy tín hành. Pāli: saddhānusārin.

<sup>117</sup>. Hán: ly sanh 離 生. Không rõ Pāli. Tham chiếu, Sn. 371: saddho sutavā niyāmadassī, có tín, có văn, có kiến, ly sanh. Về nghĩa ly sanh vị, siêu việt phàm phu vị, xem Câu-xá, tr.40c.

<sup>118</sup>. Pháp hành 法 行, hay tùy pháp hành 隨 法 行. Pāli: dhammānusārin.

<sup>119</sup>. Tóm tắt có chín kinh.

<sup>120</sup>. Năm loại hạt giống.

từ hạt. Các loại hạt giống này nếu không bị gián đoạn, không bị phá, không bị mục, không bị thương, không bị đục lỗ; khi mới gặt đất mà không gặt nước, thì các loại hạt giống này không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Hoặc nếu gặt nước mà không gặt đất, thì các loại hạt giống này cũng sẽ không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Điều cần là phải gặt đất, gặt nước, các hạt giống này mới có thể sanh trưởng lớn mạnh được. Cũng vậy, nghiệp, phiền não phải có ái, kiến, mạn, thì vô minh mới sanh hành. Nếu có nghiệp mà không có phiền não, ái, kiến, vô minh, thì hành sẽ bị diệt.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*“Như Hành, cũng vậy Thức, Danh sắc, Lục nhập xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử cũng nói như vậy.”<sup>121</sup>*

\*\*  
\*

#### KINH 894. NHƯ THẬT TRI<sup>122</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta, đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, nếu không biết như thật, thì trọn không thể ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các thế gian được nói là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, lìa khởi vọng tưởng điên đảo, cũng không gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Ta biết như thật đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, cho nên Ta ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác được nói là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, tâm lìa điên đảo, an trụ đầy đủ, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

\*\*  
\*

<sup>121</sup>. Tóm tắt có mười kinh.

<sup>122</sup>. Pāli, A. 4.23. Loka.

Như thế gian, sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hoạn thế gian, sự xuất ly thế gian.<sup>123</sup>

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 895. TAM ÁI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba ái. Những gì là ba? Đó là dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Vì muốn đoạn trừ ba ái này nên phải cầu bậc Đại sư.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

Như cầu bậc Đại sư, thứ sư, giáo sư, quảng đạo sư, độ sư, quảng độ sư, thuyết sư, quảng thuyết sư, tùy thuyết sư, A-xà-lê, đồng bạn, thiện hữu chân tri thức, thương xót, từ bi, muốn ý nghĩa, muốn an ổn, muốn an lạc, muốn xúc chạm, muốn thông suốt, người muốn, người tinh tấn, người phương tiện, người xuất ly, người kiên cố, người dũng mãnh, người kham nǎng, người nghiệp thợ, người thường, người học, người không buông lung, người tu, người tư duy, người nhớ nghĩ, người giác tưởng, người suy lường, người phạm hạnh, người thân lực, người trí,

---

<sup>123</sup>. Tóm tắt có tám kinh.

*người thức, người tuệ, người phân biệt, niệm xứ, chánh cần, căn lực, giác đạo, chỉ quán niệm thân, cầu chánh tư duy cũng nói như vậy.”<sup>124</sup>*

\*\*  
\*

### KINH 896. TAM LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba hữu lậu. Những gì là ba? Đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Vì đoạn trừ ba hữu lậu này, nên cầu bậc Đại sư.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như cầu bậc Đại sư, cũng vậy... cho đến cầu Chánh tư duy cũng nói như vậy.<sup>125</sup>*

\*\*  
\*

### KINH 897. LA-HẦU-LA<sup>126</sup>

Tôi nghe như vầy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, biết như thế nào, để thân có thức này của con cùng hết thảy tướng của cảnh giới bên ngoài không được nhớ tưởng đến, ở trung gian đó mà đoạn tận các hữu lậu?”<sup>127</sup>

Phật bảo La-hầu-la:

“Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ. Đối với các pháp này phải chánh trí quán sát, dứt sạch các hữu lậu, với chánh trí tâm khéo giải thoát. Đó gọi là A-la-hán, đã hết sạch các hữu lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã trú

<sup>124</sup>. Tóm tắt có năm mươi kinh.

<sup>125</sup>. Tóm tắt có năm mươi kinh.

<sup>126</sup>. Tham chiếu, Pāli, S. 18. Rāhulasamyutta. Xem các kinh 198-200.

<sup>127</sup>. Tham chiếu, Pāli, S.13.11. Anusaya.

hết gánh nặng, nhanh chóng được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh tri, tâm được giải thoát.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, ... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.*

\*\*  
\*

### KINH 898. NHÃN DĨ ĐOẠN

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo ở nơi mắt mà đoạn trừ dục tham. Dục tham đã đoạn, gọi là mắt đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đối với đời vị lai sẽ thành pháp chẳng sanh. Như mắt, cũng vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, ... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.*

\*\*  
\*

### KINH 899. NHÃN SANH

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo mắt sanh, trụ, thành tựu hiển hiện, thì khổ sanh, bệnh trụ, già chết hiển hiện. Cũng vậy,... cho đến ý cũng nói như vậy. Nếu mắt diệt mất đi, thì khổ sẽ được chấm dứt, bệnh sẽ dứt, già chết sẽ không còn,... cho đến ý cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, ... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.*

\*\*  
\*

### KINH 900. VỊ TRƯỚC<sup>128</sup>

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo đối với vị ngọt của mắt mà đắm nhiễm, sẽ sanh ra tùy phiền não. Tùy phiền não sanh, đối với các nhiễm ô tâm không được ly dục; những chướng ngại kia cũng không thể đoạn được,... cho đến ý nhập xứ cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.*

\*\*

### KINH 901. THIỆN PHÁP KIẾN LẬP<sup>129</sup>

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như tất cả công việc ở thế gian đều nương vào đất để kiến lập. Cũng vậy, tất cả pháp thiện đều y cứ vào sáu nội nhập xứ để tạo lập.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm ấm cũng nói như vậy.*

\*\*

### KINH 902. NHƯ LAI<sup>130</sup> ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

<sup>128</sup>. Đam mê vị ngọt.

<sup>129</sup>. Thiết lập pháp thiện.

<sup>130</sup>. Pāli, S. 45.139. Tathāgata. Cf. A. 4.34. Pasād

“Hoặc có chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, không sắc, tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng, chẳng phải chẳng tưởng; đối với tất cả, Như Lai là bậc nhất,... cho đến, Thánh giới cũng nói như vậy.”

\*\*  
\*

### KINH 903. LY THAM PHÁP ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.  
Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu mọi công việc của chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập có được, cũng vậy trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, pháp ly tham dục là bậc nhất.”

*Nói đầy đủ như vậy,... cho đến Thánh giới cũng nói như vậy.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 904. THANH VĂN ĐỆ NHẤT

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.  
Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập được. Cũng vậy, trong tất cả chúng sanh, chúng Thanh văn của Như Lai là bậc nhất.”

*Nói đầy đủ như vậy,... cho đến Thánh giới.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.



## TẠP A HÀM QUYỂN 32

KINH 905. NGOẠI ĐẠO<sup>1</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi cùng Tôn giả thăm hỏi nhau, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng<sup>2</sup>:

“Thế nào, Xá-lợi-phất, Như Lai có sanh tử đời sau không<sup>3</sup>? ”

Xá-lợi-phất nói:

“Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: ‘Điều này không ký thuyết’.”

Lại hỏi:

“Thế nào, Xá-lợi-phất! Như Lai không có sanh tử đời sau phải chăng?”

Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: ‘Điều này không ký thuyết.’”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Như Lai vừa có sanh tử đời sau, vừa không có sanh tử đời sau chăng?”

Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Thế Tôn nói rằng: ‘Điều này không ký thuyết.’”

<sup>1</sup>. Án Thuận Hội Biên, Tụng 7. Như Lai sở thuyết, “41. Tương ứng Đại Ca-diếp,” gồm mười một kinh, chín kinh đầu, số 13236-13244 (Đại Chánh, số 1136-11440); phần tiếp, hai kinh, số 13245-13246, (Đại Chánh, số 905-905); “42. Tương ứng Tụ lạc chủ”, mười kinh, số 13247-13256 (Đại Chánh, số 907-916).— Quốc Dịch quyển 45, Tụng 8. Như Lai, “1. Tương ứng Đại Ca-diếp” mười một kinh, số 13356-13366; “2. Tương ứng Tụ lạc chủ,” gồm mười kinh, số 13367-13376. Pāli, S. 16.12. Parammaraṇam.

<sup>2</sup>. Bản Pāli, Xá-lợi-phất hỏi Ca-diếp. Xem tiếp đoạn dưới.

<sup>3</sup>. Pāli: hoti tathāgato param marañā, Như Lai có tồn tại sau khi chết?

<sup>4</sup>. Hán: vô ký 無 記. Pāli: avyākata.

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Như Lai vừa chẳng phải có sanh tử đời sau, vừa chẳng phải không có sanh tử đời sau chăng?”

Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Này các ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: ‘Điều này không ký thuyết’”

Các xuất gia ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thế nào, những điều chúng tôi hỏi, Như Lai có sanh tử đời sau; không có sanh tử sau; vừa có đời sau, vừa không có đời sau; vừa chẳng phải có đời sau, vừa chẳng phải không có đời sau. Tất cả đều đáp, Thế Tôn nói rằng: ‘Điều này không ký thuyết.’ Tại sao là một Thượng tọa mà như ngu, như si, không khéo, không biết, như trẻ thơ không có trí tự tánh<sup>5</sup>? Sau khi nói xong những lời này, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.”

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách nhau không xa, cả hai ban ngày ngồi thiền tư dưới bóng cây. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất biết các xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi qua một bên, đem những việc bàn luận vừa rồi cùng các xuất gia ngoại đạo thưa lại đầy đủ cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, vì nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không ký thuyết đời sau có sanh tử; đời sau không có sanh tử; đời sau vừa có đời sau vừa không; chẳng phải có chẳng phải không sanh tử?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo Xá-lợi-phất rằng:

“Nếu nói Như Lai đời sau có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau vừa có sanh tử, đời sau vừa không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì đó là sắc. Vì Như Lai, sắc đã dứt hết, tâm khéo giải thoát, nên bảo có sanh tử đời sau, thì đây là điều không đúng; hoặc đời sau không sanh tử; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì điều này cũng không đúng. Vì

<sup>5</sup>. Hán: vô tự tánh trí 無自性智.

Như Lai, đã dứt hết sắc, tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng<sup>6</sup>.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu nói Như Lai có sanh tử đời sau, thì đó là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là động, là tư lự, là hư dối, là hữu vi, là ái,... cho đến, chẳng phải có chẳng phải không có sanh tử<sup>7</sup> đời sau cũng nói như vậy. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, tâm khéo giải thoát, nên nói có sanh tử đời sau là không đúng; hoặc không đời sau; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay chẳng phải có, chẳng phải không đời sau, thì cũng không đúng. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, nên tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, vì nhân như vậy, duyên như vậy, cho nên có người hỏi Thế Tôn: ‘Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau.’ Ngài đã không thể ký thuyết.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, cả hai trở về chỗ của mình.

\*\*  
\*

### KINH 906. PHÁP TƯỚNG HOẠI<sup>8</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở tại giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Vào buổi xế chiều, sau khi từ thiền tịnh tĩnh giấc, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

<sup>6</sup>. Bản Pāli, Ca-diếp trả lời: na hetam āvuso atthasaṁhitam nādibrahmacariyakam na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya na abhiññāya na saṁbodhāya na nibbāya saṁvattati, vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, không thuộc phạm hạnh căn bản, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly tham, diệt tận, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

<sup>7</sup>. Để bản không có hai chữ *sanh tử*. Vì đây là cú nghĩa thứ tự của vấn đề, nên theo các nghĩa trước mà thêm cho đủ ý.

<sup>8</sup>. Pāli, S.16.13. Saddhammapaṭirūpakaṁ (tượng pháp). Tham chiếu Hán, N°100(121).

“Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, trước đây Thế Tôn ít chế cấm giới cho các Thanh văn, mà lúc ấy nhiều Tỳ-kheo tâm lại ưa thích học tập; còn ngày nay thì chế nhiều cấm giới, mà các Tỳ-kheo lại ít thích học tập?”

Phật bảo:

“Đúng vậy, Ca-diếp, vì mạng trước, phiền não trước, kiếp trước, chúng sanh trước, kiến trước<sup>9</sup> và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập!

“Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muôn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu nguy tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu nguy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất<sup>10</sup>. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp<sup>11</sup> Như Lai lúc sắp muôn diệt, lại có tượng pháp tương tự<sup>12</sup> sanh ra; khi tượng pháp tương tự đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

“Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đốt làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tự mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.

“Này Ca-diếp, có năm nhân duyên có khả năng làm cho Chánh pháp Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà không kính, không trọng, không thành ý cúng dường; khi đối với Đại Sư đã không kính, không trọng, không thành ý cúng dường, sau đó vẫn nương tựa để sống. Đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo

<sup>9</sup>. Gọi là ngũ trước ác thế 五 濁 惡 世, bản Pāli không có.

<sup>10</sup>. Bản Pāli: khi vàng thật còn ở đời thì vàng giả không xuất hiện. Khi vàng giả xuất hiện thì vàng thật biến mất ở đời (yato ca kho jātarūpappaṭirūpakaṁ loke uppajjati atha jātarūpassa antaradhānam).

<sup>11</sup>. Chánh pháp 正 法. Pāli: saddhamma.

<sup>12</sup>. Hán: tương tự tượng pháp 相 似 象 法. Pāli: saddhammapatirūpaka, tương tự chánh pháp.

giới tùy thuận, hay các phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng không kính, không trọng, không thành ý cúng dường mà vẫn sống y chỉ<sup>13</sup>. Nay Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho Chánh pháp Như Lai nhân đây chìm mất.

“Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến cho pháp luật của Như Lai không chìm, không mất, không suy giảm. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ. Nay Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho pháp luật Như Lai không chìm, không mất, không suy giảm. Cho nên này Ca-diếp, nên học như vậy: ‘Đối với Đại Sư nên tu cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh mà được Đại Sư khen ngợi, cũng phải cung kính, tôn trọng, thành ý cúng dường, sống y chỉ.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

\*\*

### KINH 907. GIÁ-LA-CHÂU-LA<sup>14</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la<sup>15</sup> đi đến chỗ Phật. Sau

<sup>13</sup>. Bản Pāli: pañca okkamaniyā... satthari agāravā viharanti appatissā, dhamme agāravā... saṅghe agāravā... sikkhāya agāravā... samādhismim agāravā..., năm sự thoái hóa: chúng không tôn trọng Đạo sư, sống không tùy thuận; không tôn trọng Pháp, không tôn trọng Tăng, không tôn trọng Học giới, không tôn trọng Chánh định.

<sup>14</sup>. Ấm Thuận Hội Biên, “42. Tương ưng Tụ lạc chủ” gồm mười kinh. Đại Chánh, quyển 32, kinh số 907-916. Phần lớn tương đương Pāli, S.42 Gāmanisamyutta. Xem thêm cht.1 “1. Tương ưng Đại Ca-diếp”. Pāli, S. 42.2. Puṭo. Tham chiếu, №100(122).

<sup>15</sup>. Giá-la-châu-la-na tụ lạc chủ 遮羅周羅那聚落主. Pāli: Tālapuṭo Naṭagāmani, phường trưởng phường ca vũ tên là Tālapuṭa.

khi chào hỏi úy lạo xong, ngồi lui qua một bên bạch Phật rắng:

“Thưa Cù-dàm, tôi nghe các vị kỳ cựu trong hàng ca vũ kịch<sup>16</sup> ngày xưa nói như vậy: ‘Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa, diễn hài, trình diễn các thứ ca kỹ, làm cho mọi người vui cười hoan lạc; và nhờ nghiệp duyên này, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Hoan hỷ<sup>17</sup>.’ Còn ở trong pháp Cù-dàm này thì nói như thế nào?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Thôi, chờ nén hỏi nghĩa này!”

Ba lần như vậy, nhưng ông vẫn hỏi thỉnh không thôi.

Phật bảo thôn trưởng;

“Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà đáp. Xưa kia ở nơi thôn này chúng sanh không lìa tham dục, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của tham dục; không lìa sân nhuế, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của sân nhuế; không lìa ngu si, bị trói buộc bởi sự ràng buộc của ngu si. Những con hát kia ở trước mọi người trình diễn ca múa, kỹ nhạc và diễn hài làm cho mọi vui cười hoan lạc. Vậy này thôn trưởng, ngay những người vui cười hoan lạc kia, há không phải đang làm tăng trưởng sự trói buộc của tham dục, sân nhuế và si mê đó sao?”

Thôn trưởng bạch Phật rắng:

“Đúng vậy, thưa Cù-dàm!”

“Này thôn trưởng, thí như có người dùng giây trói ngược, rồi có người trong một thời gian dài với ác tâm muốn làm cho người này chẳng đạt được nghĩa lợi ích, không được an ổn, không được an lạc, nên thường dùng nước nhỏ lên trên sợi dây trói. Người há không bị trói càng lúc càng xiết chặt hơn sao?”

Thôn trưởng nói:

“Đúng vậy, thưa Cù-dàm!”

Phật bảo:

“Này thôn trưởng, xưa kia chúng sanh cũng lại như vậy. Không xa lìa sự trói buộc của tham dục, sân nhuế và si; duyên vào những cuộc giải trí vui cười, hoan lạc, làm tăng thêm sự trói buộc ấy.”

<sup>16</sup>. Hán: Ca vũ hý tiểu kỳ niêm túc sĩ 歌 舞 戲 笑 齋 年 宿 士. Pāli: ācariyāpācariyā naṭā, Sư tổ của các ca kỹ.

<sup>17</sup>. Hoan hỷ thiên 歡 喜 天; №100(122): Quang chiếu thiên. Pāli: Pahāsā devā.

Thôn trưởng nói:

“Thật vậy, thưa Cù-đàm, những con hát này đã làm cho mọi người vui cười hoan lạc, nhưng càng làm tăng thêm sự trói buộc cho tham dục, sân nhuế và si mê mà thôi. Vì nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung được sanh về đường thiện, điều này không thể có được.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu bảo các con hát xưa kia có thể làm cho mọi người vui cười, hoan lạc, vì nhờ nghiệp duyên này mà sanh về cõi trời Hoan hỷ, thì đây là tà kiến. Nếu người nào là tà kiến, có thể sanh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh.”

Lúc nghe nói những lời này, thì thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la buồn thương rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng:

“Cho nên, trước đây ba lần hỏi, Ta không đáp và bảo thôn trưởng thôi, chờ hỏi nghĩa này.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ. Tôi tự mình nghĩ, tại sao từ trước đến giờ mình lại để cho những sở kiến ngu si, không minh bạch, không lương thiện của bọn nghệ sĩ kia lừa dối rằng: ‘Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa,... cho đến được sanh về cõi trời Hoan hỷ.’ Bây giờ, tôi lại nghĩ, làm sao các nghệ sĩ ca múa, diễn kịch có thể sanh về cõi trời Hoan hỷ được?”

“Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ cái nghề nghệ sĩ ác bất thiện kia, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật dạy:

“Lành thay, thôn trưởng! Đây là điều chân thật.”

Sau khi thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, rồi vui vẻ ra về.

\*\*

## KINH 908. CHIẾN ĐẤU HOẠT<sup>18</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương

<sup>18</sup>. Sống bằng nghề chiến đấu, tức chiến sĩ. Pāli, S. 42.3 Yodhājivo.

xá. Bấy giờ có vị thôn trưởng sống về nghề chiến đấu<sup>19</sup>, đi đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-dàm, tôi nghe các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa nói như vậy: ‘Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sĩ, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch; nhờ vào nghiệp báo này, mà sanh về cõi trời Tiễn hàng phục<sup>20</sup>.’ Còn ở trong pháp của Cù-dàm, nghĩa này như thế nào?”

Phật bảo vị thôn trưởng sống về chiến đấu:

“Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này!”

Ba lần hỏi lại như vậy, ba lần cũng lại bảo thôi, nhưng vẫn cứ hỏi không thôi.

Phật bảo thôn trưởng, bấy giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời:

“Này thôn trưởng, theo ý ông thì sao: Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sĩ, có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, thì người này trước đó há không khởi lên tâm làm thương tổn, sát hại; muốn bắt trói, xiềng xích, đâm chém, sát hại đối với kẻ khác sao?”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Sống làm nghề chiến đấu phạm ba thứ ác tà: Hoặc về thân, hoặc miệng, hoặc ý. Vì nhân duyên ba thứ ác tà này, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục thuộc đường thiện, thì điều này không thể xảy ra!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa thấy như vậy, nói như vậy: ‘Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch, có khả

<sup>19</sup>: Chiến đấu hoạt tụ lạc chủ 戰 鬪 活 聚 落 主. Pāli: yodhājīva-gāmaṇī, người cầm đầu phương võ.

<sup>20</sup>: Tiễn hàng phục thiên 箭 降 伏 天. Pāli: sarañjitā (sarājītā) devā.

năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, nhờ vào nhân duyên này, mà sanh về cõi trời Tiễn hàng phục.' Thì đây là tà kiến, vì người tà kiến chắc chắn sẽ sanh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh."

Lúc nghe nói những lời này, thì thôn trưởng này buồn thương rơi lệ. Phật bảo thôn trưởng:

"Vì nghĩa này, nên trước đây ba lần Ta bảo thôn trưởng thôi đi, mà không vì ông nói."

Thôn trưởng bạch Phật:

"Tôi không vì những lời nói của Cù-dàm mà thương khóc rơi lệ mà mình tự nghĩ các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa ngu si, không lương thiện, không minh bạch, sống lâu dài trong sự lừa dối, nói rằng: 'Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch,... cho đến được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục.' Cho nên thương khóc rơi lệ. Nay giờ, tôi lại nghĩ rằng các vị sống về chiến đấu và nhờ nhân duyên ác nghiệp, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Tiễn hàng phục, thì điều đó không thể xảy ra được?"

"Thưa Cù-dàm, từ nay tôi xin từ bỏ các nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo."

Phật bảo thôn trưởng:

"Đây là điều chân thật."

Sau khi thôn trưởng sống về chiến đấu nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

\*\*

### KINH 909. ĐIỀU MÃ<sup>21</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng luyện ngựa<sup>22</sup> đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên.

<sup>21</sup>. Huấn luyện ngựa. Pāli, S. 42.5 Assa (Haya).

<sup>22</sup>. Điều mã tụ lạc chủ 調 馬 聚 落 主. Pāli: assāroho gāmiṇī.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng luyện ngựa<sup>23</sup>:

“Người luyện ngựa có bao nhiêu cách?”

Thôn trưởng đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm, có ba cách. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu dùng ba cách này mà vẫn không điều khiển được ngựa nữa, thì phải làm sao?”

Thôn trưởng nói:

“Thì phải giết nó.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, bậc Điều ngự trượng phu phải dùng bao nhiêu pháp để điều ngự vị ấy?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ta cũng dùng ba pháp để điều ngự trượng phu<sup>24</sup>. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu dùng ba pháp mà không điều phục được điều ngự trượng phu thì phải làm như thế nào?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu dùng ba pháp mà vẫn không điều phục được, thì phải giết người đó. Vì sao? Vì không để cho pháp của Ta bị khuất nhục.”

Trưởng thôn luyện ngựa bạch Phật rằng:

“Trong pháp của Cù-đàm, sát sanh là bất tịnh. Vậy trong pháp của Cù-đàm không cho sát hại, nhưng hôm nay lại nói rằng: ‘Người nào không điều phục được, thì cũng nên giết họ?’”

Phật bảo thôn trưởng:

“Như những lời ông đã nói, trong pháp của Như Lai, sát sanh là bất tịnh. Như Lai không thể sát hại. Nay thôn trưởng, nhưng khi Ta dùng ba pháp để điều phục trượng phu mà không điều phục được thì sẽ

<sup>23.</sup> Bản Pāli, người huấn luyện ngựa hỏi Phật với nội dung như các ca kĩ, chiến sĩ trong các kinh trên.

<sup>24.</sup> Điều ngự trượng phu 調 御 丈 夫 : huấn luyện con người. Pāli: purisadamma.

không nói với, không dạy dỗ, không giáo giới nữa. Này thôn trưởng, nếu Như Lai khi điều ngự trượng phu mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, đó há không phải là sát hại sao?”

Thôn trưởng luyen ngựa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu khi điều ngự trượng phu, mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, thì thật sự đã sát hại rồi. Cho nên từ nay tôi xin từ bỏ nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng luyen ngựa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

\*\*  
\*

### KINH 910. HUNG ÁC<sup>25</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có một thôn trưởng hung ác đi đến chỗ Phật đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Vì không tu pháp gì, nên sanh sân nhuế đối với người khác; do đã sanh sân nhuế, nên miệng nói lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh<sup>26</sup>? ”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì không tu chánh kiến nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh. Vì không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy đặt tên là Ác Tánh.”

Lại hỏi Thế Tôn:

<sup>25</sup>. Pāli, S. 42.1 Caṇḍa.

<sup>26</sup>. Ác tánh 惡 性. Pāli: caṇḍo, hung dữ, bạo ác.

“Phải tu tập pháp gì để không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện<sup>27</sup>? ”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì tu chánh kiến, nên không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm, chánh định, nên không sân đối với người khác; do không sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện.”

Thôn trưởng hung ác bạch Phật:

“Lạ thay Thế Tôn, Ngài khéo nói những lời này. Vì tôi không tu Chánh kiến, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Vì tôi không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Cho nên từ nay tôi sẽ từ bỏ sân nhuế thô bạo.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng hung ác, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

\*\*

### KINH 911. MA-NI CHÂU KẾ<sup>28</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế<sup>29</sup>, đi đến chỗ Phật đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần,

<sup>27</sup>. Hiền Thiện 賢 善. Pāli: sorata, nhu hòa.

<sup>28</sup>. Pāli, S. 42.10 Maṇicūṭa.

<sup>29</sup>. Ma-ni Châu Kế tụ lạc chủ 摩 尼 珠 聚 落 主. Pāli: Maṇicūṭaka.

không nói với, không dạy dỗ, không giáo giới nữa. Nay thôn trưởng, nếu Như Lai khi điều ngự trượng phu mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, đó há không phải là sát hại sao?”

Thôn trưởng luyện ngựa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu khi điều ngự trượng phu, mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, thì thật sự đã sát hại rồi. Cho nên từ nay tôi xin từ bỏ nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng luyện ngựa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

\*\*

## KINH 910. HUNG ÁC<sup>25</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có một thôn trưởng hung ác đi đến chỗ Phật đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Vì không tu pháp gì, nên sanh sân nhuế đối với người khác; do đã sanh sân nhuế, nên miệng nói lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh<sup>26</sup>? ”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì không tu chánh kiến nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh. Vì không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy đặt tên là Ác Tánh.”

Lại hỏi Thế Tôn:

<sup>25</sup>. Pāli, S. 42.1 Caṇḍa.

<sup>26</sup>. Ác tánh 惡性. Pāli: caṇḍo, hung dū, bạo ác.

“Phải tu tập pháp gì để không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện<sup>27</sup>? ”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì tu chánh kiến, nên không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên không sân đối với người khác; do không sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện.”

Thôn trưởng hung ác bạch Phật:

“Lạ thay Thế Tôn, Ngài khéo nói những lời này. Vì tôi không tu Chánh kiến, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Vì tôi không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Cho nên từ nay tôi sẽ từ bỏ sân nhuế thô bạo.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Sau khi, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng hung ác, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

\*\*\*

### KINH 911. MA-NI CHÂU KẾ<sup>28</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế<sup>29</sup>, đi đến chỗ Phật đánh lě dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần,

<sup>27</sup>. Hiền Thiện 賢 善. Pāli: sorata, nhu hòa.

<sup>28</sup>. Pāli, S. 42.10 Maṇicūṭa.

<sup>29</sup>. Ma-ni Châu Kế tụ lạc chủ 摩尼珠髻聚落主. Pāli: Maṇicūṭaka.

cùng nhau bàn luận rằng: ‘Thế nào, Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là tịnh hay bất tịnh?’ Trong các đại thần có người nói: ‘Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’ Lại có vị nói: ‘Không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’

“Bạch Thế Tôn, vị nói Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là do nghe từ Phật hay là tự ý họ nói ra? Họ nói ra những lời này là tùy thuận pháp hay là không tùy thuận, là lời nói chân thật hay là lời nói hư vọng? Những lời nói như vậy không bị rơi vào chỗ đáng bị chỉ trích chăng?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Đó là những lời nói chẳng phải chân thật, chẳng phải pháp, chẳng phải tùy thuận, đáng bị chỉ trích. Vì sao? Vì Sa-môn Thích tử mà tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là không thanh tịnh. Cho nên, nếu người nào tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu cho mình, thì chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng Thích tử.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Kỳ thay, Thế Tôn! Sa-môn Thích tử nhận và chứa vàng bạc của báu, là chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải pháp của dòng Thích tử. Đây là lời nói chân thật.

“Bạch Thế Tôn, vị nói lời này làm tăng trưởng thăng diệu, tôi cũng nói như vậy: ‘Sa-môn Thích tử không được tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu Sa-môn Thích tử mà nhận và cất chứa vàng bạc, trân báu cho là thanh tịnh, thì năm dục công đức ấy phải thanh thịnh!”

Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Đức Thế Tôn, sau khi biết thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi rồi, bảo Tôn giả A-nan:

“Nếu có Tỳ-kheo nào hiện đang nương vào vườn Trúc, khu Ca-lan-đà mà ở, thì hãy triệu tập hợp tất cả tại nhà ăn.”

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đi khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thông báo cho các Tỳ-kheo hiện còn đang ở đây, tập trung đến nhà ăn. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung rồi, Tôn giả đến bạch Thế Tôn:

“Các Tỳ-kheo đã tập trung tại nhà ăn rồi. Xin Thế Tôn biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến nhà ăn ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Hôm nay có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi đến chỗ Ta, nói như vầy: ‘Trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, có phải là thanh tịnh không? Trong đó có vị nói là thanh tịnh, có vị nói là không thanh tịnh. Vậy nay xin hỏi Thế Tôn, vị nói thanh tịnh là được nghe từ Phật nói hay tự mình nói dối.’ Như đã nói đầy đủ ở trên. Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

“Này các Tỳ-kheo, trong khi quốc vương, đại thần cùng nhau hội họp bàn luận, thì thôn trưởng Ma-ni Châu Kế này nói như sư tử rống ở trước mọi người là: ‘Sa-môn Thích tử không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc, của báu.’

“Này các Tỳ-kheo, từ hôm nay các ông cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Cẩn thận chớ nên vì mình mà nhận lấy vàng bạc và các thứ vật báu.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

## KINH 912. VƯƠNG ĐẢNH<sup>30</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên ao Yết-già tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ có thôn trưởng Vương Đảnh<sup>31</sup> đi đến chỗ Phật, đánh lě dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng Vương Đảnh:

“Hiện nay chúng sanh chạy theo hai khuynh hướng. Những gì là hai? Một là thích đắm vào năm dục, thuộc dạng phàm phu, tục tử quê

<sup>30.</sup> Pāli, S. 42.12 Rāsiyo.

<sup>31.</sup> Vương Đảnh tự lạc chủ 王 頂 聚 落 主. Pāli: Rāsiyo gāmiṇī.

mùa thấp kém. Hai là tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

“Này thôn trưởng, có ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, tục tử, quê mùa thấp kém. Cũng có ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

“Này thôn trưởng, những gì là ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu tục tử quê mùa thấp kém? Là có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách lạm chiếm một cách bất hợp pháp, không mang lại an vui cho chính mình, cũng chẳng phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; cũng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian.

“Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp lạm chiếm tài vật một cách bất hợp pháp để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ làm, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc.

“Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp tìm cầu tài vật chứ không bằng lạm chiếm để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, cung phụng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

“Này thôn trưởng, Ta không nhất thiết nói bình đẳng trong hưởng thụ dục lạc, mà Ta nói người hưởng thụ dục lạc có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

“Thế nào là hạng thấp kém, hưởng thụ dục lạc? Là loại lạm chiếm bất hợp pháp,... cho đến chẳng cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp,

mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là hạng trung bình, hưởng thụ dục lạc? Là loại người hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp mà tìm cầu tài vật một cách bất hợp pháp,... cho đến chẳng mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng trung bình thứ hai hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là hạng người, Ta nói hơn người, hưởng thụ dục lạc? Là loại người đúng pháp để tìm cầu tài vật,... cho đến đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng hơn người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là ba hạng người tự làm khổ chính mình? Đó là khổ chẳng phải pháp, bất chính, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào. Có một hạng người tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu mới phạm giới, ô nhiễm giới, họ tu đủ cách khổ hạnh, nỗ lực tinh tấn trụ ở một chỗ, nhưng hiện tại họ chẳng thể xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Nay thôn trưởng, đó gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh cũng chẳng nhờ vậy mà hiện tại xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh tinh tấn, mà hiện tại vẫn không thể<sup>32</sup> xa lìa được nhiệt não bức bách, được pháp hơn người, trụ vào an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

---

<sup>32</sup>. Nguyên bản: bất đắc 不 得, trùng với loại tự khổ thứ hai. Theo văn ý, nên sửa lại là thiểu đắc 少 得, có thể một ít. Bản Pāli, có ba hạng khổ hành, sống khắc khổ (tapassī lūkhajīvi): 1. Tự hành khổ nhưng không chứng thiện pháp, không đắc pháp thượng nhân, không nhập Thành trú thù thắng. 2. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, nhưng không đắc pháp thượng nhân và Thành trú. 3. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, đắc pháp thượng nhân và Thành trú thù thắng.

“Này thôn trưởng, Ta không nói tất cả những người tự mình làm khổ bằng cách sống khắc khổ đều giống nhau, mà Ta đã nói trong những kẻ tự làm khổ, có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém? Nếu họ tự làm khổ ban đầu mới phạm giới, mới làm ô nhiễm giới,... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng trung bình? Nếu họ tự làm khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng trung.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng hơn người? Nếu họ tự làm khổ, bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chảm phạm giới, chảm ô nhiễm giới,... cho đến chảm được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng hơn.

“Này thôn trưởng, đó gọi là ba hạng người tự làm khổ mình, cái khổ này chảm phải pháp, chảm đúng, chảm có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

“Này thôn trưởng, có đạo lộ, có sự thực hành đưa đến<sup>33</sup> ba hạng phương tiện tùy thuộc hưởng thụ dục lạc, của hàng phàm phu tục tử, quê mùa thấp kém; đưa đến phương tiện tự làm khổ chính mình, mà cái khổ này chảm phải pháp, chảm đúng, chảm có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

“Thế nào là đạo lộ, sự thực hành đưa đến phương tiện hưởng thụ dục lạc, tự làm khổ chính mình?

“Này thôn trưởng, vì bị dục tham làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Vì bị sân nhuế, ngu si làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Nếu xa lìa chướng ngại của dục tham, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp

<sup>33</sup>. Bản Cao-ly: bất 不, chảm đưa đến. Tổng-Nguyễn-Minh: thị 是 : đưa đến.

luôn luôn thọ hỷ lạc. Cũng vậy, nếu xa lìa chướng ngại của sân nhuế, ngu si, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn hưởng hỷ lạc. Đối trong hiện tại xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.

“Này thôn trưởng, như pháp hiện tại này vĩnh viễn xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này duyên tự mình giác tri, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến,... cho đến chánh định.”

Trong lúc Đức Thế Tôn đang nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhẫn tịnh. Sau khi thôn trưởng Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập vào pháp, thoát nghi không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp luật mà được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con đã được độ, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay đến hết đời con xin làm Uu-bà-tắc.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

\*\*  
\*

### KINH 913. KIỆT ĐÀM<sup>34</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hành giữa những người Lực sĩ<sup>35</sup>, đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù<sup>36</sup>, trú xứ của Uất-bệ-la. Bấy giờ có thôn chủ Kiệt<sup>37</sup>-đàm<sup>38</sup> nghe tin Sa-môn Cù-dàm du hành giữa những người Lực sĩ, đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù, trú xứ của Uất-bệ-la. Ngài nói về sự tập

<sup>34</sup>. Pāli, S. 42.11 Bhadra. Tham chiếu, Hán, №100(128).

<sup>35</sup>. Lực sĩ nhân dân 力士人民. Pāli: Mallesu, giữa những người nước Malla.

<sup>36</sup>. Uất-bệ-la trú xứ Anh vũ Diêm-phù lâm 韶羅住處鵠鵄闍浮林. Bản Pāli: Uruvelakappam nāma Mallānam nigamo, Uruvelakappa, một thị trấn của người Malla.

<sup>37</sup>. Bản Cao-ly: kiệt 竭; bản Minh: yết 惕.

<sup>38</sup>. Yết-dàm tụ lạc chủ 惕聚落主. Pāli: Bhadro gāmīṇi.

khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại<sup>39</sup>. Ông nghĩ: ‘Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu ta đến thì chắc Sa-môn Cù-đàm sẽ vì ta mà nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.’ Sau đó ông liền đến thôn Uất-bệ-la và đến chỗ Phật, đánh lě dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, tôi nghe Thế Tôn thường vì người nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại. Lành thay! Thế Tôn vì tôi nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu Ta nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ quá khứ, Ta biết đối với điều đó ông có thể tin hay không tin, muốn hay không muốn, nhớ hay không nhớ, thích hay chẳng thích<sup>40</sup>. Nay ông có khổ không? Nếu Ta nói về khổ vị lai, đối với điều đó Ta biết ông có thể tin hay không tin, muốn hay không muốn, nhớ hay không nhớ, thích hay chẳng thích. Nay ông có khổ không? Hôm nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.

“Này thôn trưởng, tất cả những khổ phát sanh mà chúng sanh có, tất cả đều do dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục làm nhân, dục làm duyên mà khổ phát sanh.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Thế Tôn nói pháp quá sơ lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi có chỗ không hiểu. Lành thay, Thế Tôn! Xin nói đầy đủ hơn cho chúng tôi được hiểu.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Bây giờ Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Ngày thôn trưởng, ý ông thế nào, nếu chúng sanh ở thôn Uất-bệ-la này hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị khiển trách, hoặc bị giết, tâm ông có khởi buồn thương khổ não không?”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cũng không nhất thiết là vậy! Nếu mọi người sống ở thôn Uất-bệ-la này đối với tôi mà có dục, có tham, có ái, có

<sup>39</sup>. Hiện pháp khổ tập khổ một 現法苦集苦沒. Pāli: dukkhassa samudayañca atthaṅgamañca.

<sup>40</sup>. Pāli: tatra te siyā kaṇkkā siyā vimati, ở đây ông có thể nghi ngờ, có thể bối rối.